



PHÂN TÍCH RỦI RO
THAM NHỮNG ĐỐI VỚI
NHÀ ĐẦU TƯ
TẠI VIỆT NAM

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

Trung tâm Nghiên cứu và Quản trị Xã hội (CENSOGOR) là một tổ chức phi chính phủ của Việt Nam trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA). Sự ra đời của CENSOGOR là kết quả sau nhiều năm thực hiện các Chương trình Việt Nam (2009 - 2015) của tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI). Vì vậy, CENSOGOR thừa hưởng kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng trong tám năm qua của TI ở Việt Nam cũng như kinh nghiệm từ các mạng lưới công tác trong khu vực và toàn cầu của TI.

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) được thành lập năm 1997 tại Hội nghị Tư vấn thường niên giữa Chính phủ Việt Nam và cộng đồng các nhà tài trợ. Diễn đàn đóng vai trò như một kênh đối thoại chính sách hoạt động phi lợi nhuận, không mang tính chất chính trị nhằm mục đích xây dựng một môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư tư nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam. Hoạt động của Diễn đàn chủ yếu thông qua các phiên họp cấp cao định kỳ giữa lãnh đạo cấp cao của Chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp đồng thời thông qua hoạt động của các nhóm công tác chuyên trách trên tất cả các lĩnh vực kinh tế.

Báo cáo này được hoàn thiện trong khuôn khổ dự án “Thúc đẩy việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về kinh doanh liêm chính để tăng cường hội nhập quốc tế và cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam”. Dự án được thực hiện bởi CENSOGOR và VBF, với sự tài trợ của Quỹ Thịnh vượng Đông Nam Á, Vương quốc Anh.

Báo cáo cũng nhận được sự hỗ trợ từ ASEAN CSR Network.

PHÂN TÍCH RỦI RO THAM NHỮNG
ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ
TẠI VIỆT NAM
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

MỤC LỤC

A. MỞ ĐẦU	3
B. MỤC ĐÍCH CỦA NGHIÊN CỨU	4
C. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	5
D. KẾT LUẬN	6
Kết luận chung	6
Mua sắm, đấu thầu của tư nhân.....	7
Dịch vụ công/thủ tục theo quy định	9
Quà biếu, các hình thức chiêu đãi liên quan đến công chức, cán bộ.....	10
E. KHUYẾN NGHỊ VÀ NHẬN XÉT VỀ MÔ HÌNH TỐI ƯU	11
Khuyến nghị và nhận xét về mô hình tối ưu đối với doanh nghiệp	11
Khuyến nghị về chính sách công	13
F. KẾT QUẢ CHI TIẾT	15
Hoạt động mua sắm, đấu thầu của doanh nghiệp tư nhân	15
Dịch vụ công/ thủ tục theo quy định.....	17
Quà biếu, các hình thức chiêu đãi liên quan đến công chức, cán bộ.....	20
Cảm nhận của doanh nghiệp về những hành vi rủi ro cao trong kinh doanh tại Việt Nam	22
PHỤ LỤC A – Yêu cầu công tác áp dụng cho Nghiên cứu và Báo cáo	
Nghiên cứu	26
PHỤ LỤC B – Thông tin ẩn danh về các Doanh nghiệp tham gia	31
PHỤ LỤC C – Bộ câu hỏi điều tra	35
PHỤ LỤC D – Phân tích rủi ro tham nhũng đối với nhà đầu tư tại	
Việt Nam	45

A. MỞ ĐẦU

1. Việt Nam là một trong những nước ASEAN thường xuyên được đánh giá thuộc nhóm các quốc gia có “rủi ro cao” về tham nhũng. Ví dụ, trong Chỉ số Cảm nhận về Tham nhũng 2016, tổ chức Minh bạch Quốc tế xếp hạng Việt Nam đứng thứ 113/176 quốc gia được khảo sát về cảm nhận tham nhũng trong khu vực công, với điểm số 33/100 (trong đó 100 đồng nghĩa với trong sạch). Các điều tra khác cũng cho thấy kết quả tương tự về mức độ tham nhũng cao ở Việt Nam, cả trong khu vực nhà nước và tư nhân¹. Chính phủ Việt Nam đã có một số biện pháp đối phó với nạn tham nhũng trong nước, trong đó nổi bật nhất là thông qua việc sửa đổi, bổ sung các luật định về chống tham nhũng, hối lộ, và đặc biệt là dự kiến hình sự hoá hành vi hối lộ trong khu vực kinh tế tư nhân².
2. Rủi ro tham nhũng ở Việt Nam tuy đã được xem xét trong một số nghiên cứu đã công bố, nhưng cho đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu tập trung riêng vào Việt Nam và vấn đề rủi ro tham nhũng tại đây. Bản chất của tham nhũng có thể mỗi nước mỗi khác, nhất là khi xét đến tầm quan trọng của một số yếu tố riêng của từng nước như văn hóa, chính sách của nhà nước có ảnh hưởng đến hành vi tham nhũng, vì thế sẽ rất hữu ích nếu có một nghiên cứu riêng về vấn đề này. Căn cứ trên những nỗ lực gần đây của Việt Nam trong đấu tranh chống tham nhũng cả trong khu vực tư nhân và khu vực nhà nước, một trong những lợi ích mà nghiên cứu này hy vọng sẽ đem lại là cung cấp thông tin liên quan đến kinh nghiệm của từng doanh nghiệp về tham nhũng, những hành vi có nguy cơ cao.
3. Trên tinh thần đó, từ ngày 7/11/2016 đến 30/11/2016, Nhóm công tác Quản trị - Liêm chính (gọi tắt là NCT QT&LC) của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, phối hợp với hãng Duane Morris & Selvam LLP (gọi tắt là DMS) và Trung tâm Nghiên cứu và Quản trị Xã hội (gọi tắt là CENSOGOR) đã thực hiện một nghiên cứu về kinh nghiệm của các

¹ Xem các tài liệu như “Khảo sát Triển vọng Kinh doanh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và giai đoạn sau 2016”, ấn bản của AmCham -Phòng Thương mại Mỹ (<http://www.amcham.org.sg/public-affairs/publications/asean-business-outlook-survey-2016/>).

² Bộ Luật hình sự 2015 đang tạm hoãn hiệu lực thi hành đã hình sự hóa một phần.

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đối với những hành vi không thích hợp trong hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (gọi tắt là “Nghiên cứu”). Nghiên cứu được thực hiện dựa theo Điều khoản tham chiếu áp dụng cho Nghiên cứu và Báo cáo nghiên cứu, ngày 23/9/2016, xem tại Phụ lục A của báo cáo này.

4. Báo cáo này nêu rõ mục đích của Nghiên cứu, tiếp đó sẽ đi vào trình bày về phương pháp nghiên cứu, kết luận và các kết quả chi tiết.

B. MỤC ĐÍCH CỦA NGHIÊN CỨU

5. Mục đích của Nghiên cứu là đánh giá kinh nghiệm và biện pháp đối phó của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đối với những hành vi mang tính rủi ro cao trong kinh doanh, có liên quan đến hay là biểu hiện của các vi phạm về tham nhũng theo luật Việt Nam và luật pháp nước ngoài liên quan. Nghiên cứu này không nhằm mục đích điều tra hay báo cáo các hành vi vi phạm hình sự. Nghiên cứu tập trung chủ yếu vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì hai lý do sau: một là để bảo đảm tính thống nhất trong loại hình doanh nghiệp mà Nghiên cứu chọn làm đối tượng; và hai là để bảo đảm rằng kết quả của Nghiên cứu sẽ cung cấp cho nhà đầu tư nước ngoài thông tin về những dạng rủi ro có thể gặp phải khi đến làm ăn tại Việt Nam.
6. Nghiên cứu tập trung vào ba nhóm hoạt động sản xuất, kinh doanh (“các Lĩnh vực nghiên cứu liên quan”) sau:
 - 6.1 Hoạt động mua sắm, đấu thầu của doanh nghiệp tư nhân: việc mua sắm hàng hóa và/hoặc dịch vụ của các doanh nghiệp được phỏng vấn, cụ thể liên quan đến các vấn đề quà biếu, chiêu đãi, mâu thuẫn lợi ích, tổ chức quy trình đấu thầu;
 - 6.2 Xin cấp phép theo thủ tục: kinh nghiệm của doanh nghiệp khi tiếp cận với công chức, cán bộ nhà nước để xin cấp phép theo thủ tục quy định (như xin cấp giấy phép hay làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu);
 - 6.3 Quà biếu, các hình thức chiêu đãi liên quan đến công chức, cán bộ: quan điểm của doanh nghiệp về các kỳ vọng của công chức, cán bộ ở Việt Nam đối với quà biếu và các hình thức chiêu đãi.

C. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chọn mẫu, phỏng vấn

7. Đối tượng tham gia Nghiên cứu gồm 21 doanh nghiệp (gọi tắt là các “Doanh nghiệp tham gia”). Phụ lục B kèm theo báo cáo này là danh sách (ẩn danh) 21 doanh nghiệp tham gia này cùng thông tin tóm tắt về họ. Cỡ mẫu được chọn nhỏ hơn con số dự tính ban đầu là 31 doanh nghiệp do 10 doanh nghiệp sau đó từ chối tham gia. Tuy cỡ mẫu bị thu hẹp, kết quả của Nghiên cứu vẫn có giá trị trong việc xác định cảm nhận về rủi ro liên quan đến hành vi hối lộ, tham nhũng, cũng như đề xuất giảm thiểu các rủi ro này.
8. Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn với một đại diện cấp cao (chức vụ Giám đốc, Giám đốc Quốc gia, Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Pháp chế/Tuần thủ) của từng Doanh nghiệp tham gia.
9. Mỗi cuộc phỏng vấn thực hiện trong thời gian khoảng 1 giờ rưỡi.
10. Do số lượng các Doanh nghiệp tham gia có hạn nên các kết luận định lượng của báo cáo cần được đặt trong bối cảnh của một nghiên cứu với cỡ mẫu nhỏ.
11. Dù vậy, các kinh nghiệm cá nhân chi tiết ghi lại được từ các cuộc gặp mặt trực tiếp với đại diện của các Doanh nghiệp tham gia vẫn cho phép Nghiên cứu tìm hiểu sâu về các hành vi rủi ro cao mà doanh nghiệp gặp phải.

Không nêu tên các Doanh nghiệp tham gia

12. Trong Nghiên cứu và báo cáo này không nêu rõ danh tính của các Doanh nghiệp tham gia.
13. Tất cả đại diện của các Doanh nghiệp tham gia phỏng vấn đều được thông báo trước rằng Nghiên cứu và Báo cáo sẽ không nêu danh tính của họ, được cụ thể hoá bởi mục “Không nêu tên trong phiếu hỏi” trên mẫu Phiếu hỏi tiêu chuẩn (xem Phụ lục C).

Mẫu phiếu hỏi

14. Các Doanh nghiệp tham gia được cho xem và yêu cầu trả lời các câu hỏi trong phiếu hỏi mẫu tại Phụ lục C.
15. Phiếu hỏi này gồm các nội dung chính sau:
 - 15.1 Các câu hỏi về thông tin chung của Doanh nghiệp tham gia;
 - 15.2 Các câu hỏi về hoạt động mua sắm, đấu thầu trong khu vực tu

nhân, bao gồm:

15.2.1 quà biếu, chiêu đãi;

15.2.2 mâu thuẫn lợi ích;

15.2.3 thư mời thầu (RFPs);

15.3 Các câu hỏi về việc xin cấp phép theo thủ tục;

15.4 Các câu hỏi về quà biếu, chiêu đãi;

15.5 Cảm nhận của Doanh nghiệp tham gia về những Hành vi rủi ro cao trong kinh doanh tại Việt Nam.

16. Các câu hỏi một phần là câu hỏi trắc nghiệm, một phần là câu hỏi mà Doanh nghiệp tham gia tự trả lời kèm phần giải thích bổ sung.
17. Các câu hỏi được thiết kế nhằm đảm bảo người được hỏi không đưa ra những câu trả lời có sự liên hệ với các vi phạm hình sự của Doanh nghiệp tham gia. Trên cơ sở đó, các câu hỏi sẽ chỉ tập trung vào kinh nghiệm của Doanh nghiệp tham gia về các đòi hỏi phải tham dự vào những hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh, hoặc là quan điểm của Doanh nghiệp tham gia về việc họ có được gợi ý phải hành xử theo một cách không thích hợp nào đó hay không (như các gợi ý biếu xén, chiêu đãi từ phía công chức, cán bộ).

Các hướng dẫn khác dành cho Doanh nghiệp tham gia

18. Các Doanh nghiệp tham gia được yêu cầu giới hạn câu trả lời trong phạm vi trải nghiệm của họ trong vòng 12 tháng qua, trừ trường hợp câu hỏi có yêu cầu khác.
19. Doanh nghiệp được hướng dẫn “cán bộ nhà nước” hay “công chức” nghĩa là người làm việc cho cơ quan, ban ngành nhà nước, cũng như người làm việc cho tổ chức thuộc quyền kiểm soát hay sở hữu đa số của nhà nước.

D. KẾT LUẬN

KẾT LUẬN CHUNG

20. Kết quả của Nghiên cứu cho thấy rủi ro tham nhũng ở Việt Nam phát sinh từ những hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh là một trở ngại đáng kể đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đặc biệt, việc biếu tặng và nhận quà riêng và/hoặc các lợi ích khác

trong bối cảnh giữa tư nhân với tư nhân và giữa tư nhân với nhà nước được coi là một thực tế trong môi trường kinh doanh, theo đó hình thành một tâm lý chung là không ai có thể làm gì được trước thực tế đó. Xu hướng cán bộ, công chức muốn nhận quà biếu hay nhận tiền cũng được cho biết là một hiện tượng phổ biến.

21. Các Doanh nghiệp tham gia có chung quan điểm về một thách thức đối với họ, đó là những khác biệt về văn hóa, đặc biệt là sự khác biệt giữa văn hóa “bản địa” và các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh được quy định bởi luật pháp ở quốc gia quê hương của các Doanh nghiệp. Một số Doanh nghiệp tham gia thẳng thắn cho rằng đây chính là một bất lợi trong cạnh tranh đối với những doanh nghiệp áp dụng những tiêu chuẩn đạo đức trên. Một doanh nghiệp cho rằng họ không mong đợi sẽ thắng thầu lần tới trong một dự án của nhà nước vì họ đã từ chối đưa hối lộ hay đưa tặng những món quà hậu hĩnh cho cán bộ, công chức nhà nước.
22. Gần như toàn bộ các Doanh nghiệp tham gia đều nói cán bộ, công chức có xu hướng mong được nhận quà biếu, các hình thức chiêu đãi và/hoặc các lợi ích khác trong các tiếp xúc thông thường. Một số người trả lời cho rằng nguyên nhân là do lương của người làm nhà nước thấp, trong khi một số người còn phải bỏ tiền để “chạy chức”, vì thế mà họ cần tìm cách thu hồi lại số vốn đã bỏ ra bằng cách gợi ý doanh nghiệp chi cho họ các khoản ‘bồi dưỡng’ không chính thức.
23. Tuy vậy, nhìn chung các Doanh nghiệp tham gia đều nhận thức được các rủi ro này và thể hiện rằng họ nhìn nhận vấn đề khá nghiêm túc bằng cách áp dụng các quy định về đạo đức kinh doanh và cho biết họ có thực thi các quy định đó.
24. Trong phần sau chúng tôi sẽ trình bày thêm về các kết luận của Nghiên cứu theo từng Lĩnh vực nghiên cứu liên quan và một số khuyến nghị.

MUA SẮM, ĐẤU THẦU CỦA TƯ NHÂN

Những kiểu lợi ích không chính đáng trong quan hệ giữa các doanh nghiệp tư nhân với nhau

25. Việc biếu xén, làm lợi cho cá nhân trong nội bộ các doanh nghiệp trong và sau các cuộc thương lượng kinh doanh là một dạng hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, nếu mỗi lợi được trao cho một người nào đó (như cán bộ phụ trách mua sắm, đấu thầu) để đổi lại, người đó trao hợp đồng, mối làm ăn cho đối phương, thì có thể được xem là cấu thành hành vi đưa hối lộ. Hai dạng lợi ích không chính đáng phổ biến được nghiên cứu là biếu quà, chiêu đãi và trả tiền lót tay/tiền mặt bằng cách ghi chênh lệch trên hóa đơn.

26. Kết quả của Nghiên cứu cho thấy các hình thức quà biếu, chiêu đãi nhỏ rất phổ biến trong các mối quan hệ kinh tế tư nhân của các Doanh nghiệp tham gia, trong đó 17 Doanh nghiệp tham gia (81%) cho biết có nhận quà của các đơn vị cung cấp dịch vụ vào những thời điểm không phải các ngày lễ chính thức. Tuy nhiên, những trường hợp quà biếu giá trị lớn, dễ bị coi là hối lộ thì không nhiều, vì chỉ có một Doanh nghiệp tham gia cho biết có nhận quà có giá trị hơn 2 triệu đồng (khoảng 88 USD).
27. Dù vậy, hành vi yêu cầu viết hóa đơn với giá trị thấp hoặc cao hơn giá thỏa thuận của hàng hóa, dịch vụ giao dịch (đôi khi còn gọi là 'ghi chênh hóa đơn') có phổ biến hơn, trong đó 7/21 Doanh nghiệp tham gia cho biết có gặp những yêu cầu như vậy. Yêu cầu 'ghi chênh hóa đơn' là một chỉ báo cho biết đã có hành vi đưa tặng các dạng lợi ích không chính đáng. Hóa đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực được sử dụng để thanh toán số tiền cao hơn thực tế, trong đó phần chênh là tiền đưa hối lộ. Trong khi đó, hóa đơn ghi thấp hơn giá thực nhằm mục đích trốn thuế hay tránh thuế nhập khẩu.

Mâu thuẫn lợi ích

28. Không công khai các mâu thuẫn lợi ích giữa nhân viên và bên cung cấp dịch vụ sẽ dẫn đến rủi ro tham nhũng vì đó là một động cơ để nhân viên lạm dụng quyền hạn của mình trong doanh nghiệp để thu lợi riêng. Rủi ro này đặc biệt cao trong trường hợp cán bộ lãnh đạo hay phụ trách mua sắm, đấu thầu có những mâu thuẫn lợi ích đó.
29. Nghiên cứu nhận thấy một số Doanh nghiệp tham gia gặp vấn đề về mâu thuẫn lợi ích:
 - 29.1 2 Doanh nghiệp tham gia (10%) cho biết họ có một hay nhiều nhân viên giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông của đơn vị cung cấp dịch vụ cho họ.
 - 29.2 5 Doanh nghiệp tham gia (24%) cho biết có cán bộ lãnh đạo và/hoặc phụ trách mua sắm, đấu thầu có người nhà giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông của đơn vị cung cấp dịch vụ.
 - 29.3 6 Doanh nghiệp tham gia (29%) từng được yêu cầu sử dụng một số đơn vị cung cấp dịch vụ bởi người bên phía khách hàng mà theo họ là có lợi ích kinh tế tại đơn vị cung cấp dịch vụ đó.
30. Nghiên cứu cũng phát hiện thấy một số trường hợp ký hợp đồng/trao thầu trong đó có mâu thuẫn lợi ích: 4 Doanh nghiệp tham gia (20%) cho biết có hợp đồng được ký kết/trao thầu cho bên thứ ba (trong vòng 12

tháng trước) vì nhân viên có lợi ích kinh tế tại doanh nghiệp đó hay người nhà của nhân viên có lợi ích tại đơn vị đó.

31. Một số Doanh nghiệp tham gia cho biết nhìn chung việc nhân viên và người nhà nhân viên có lợi ích kinh tế ngoài công việc ở cơ quan là rất phổ biến, và ở Việt Nam, những kiểu mâu thuẫn lợi ích đó là “không tránh khỏi”.
32. Mặc dù đã quan sát được một số trường hợp mâu thuẫn lợi ích, một con số đáng kể các Doanh nghiệp tham gia (18 doanh nghiệp, hay 86%) cho biết họ có quy định bằng văn bản hay quy trình để nhân viên kê khai các mâu thuẫn lợi ích.

Thư mời thầu

33. Đấu thầu là một lĩnh vực ẩn chứa những rủi ro tham nhũng đáng kể trong doanh nghiệp tư nhân, trong đó bên dự thầu có thể mời chào các lợi ích cho bên gọi thầu để đổi lấy việc được ký hợp đồng hay được đưa tên vào danh sách gọi thầu. Bên dự thầu cũng có thể thông đồng với nhau để nâng giá chào thầu, mà một trường hợp dễ thấy là nhiều hồ sơ thầu có giá chào rất sát nhau.
34. 5 Doanh nghiệp tham gia (24%) cho biết nhân viên từng được đề nghị nhận tiền hay phần trăm giá trị hợp đồng để đổi lại cho đơn vị cung cấp dịch vụ vào danh sách gửi thư mời thầu; 4 Doanh nghiệp tham gia (14%) nói có biết việc nhân viên từng chấp nhận những thỏa thuận như trên (trong tất cả các trường hợp này, Doanh nghiệp tham gia đều cho biết đã sa thải nhân viên kia). Phần lớn các Doanh nghiệp tham gia cho biết đây là một dạng hành vi phổ biến theo như kinh nghiệm của họ.
35. 7 Doanh nghiệp tham gia (33%) nói họ biết tình trạng nhận được một số đơn thầu có giá chào rất giống nhau (chênh lệch dưới 5%).

DỊCH VỤ CÔNG/THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH

36. Các yêu cầu, gợi ý về các khoản lợi từ cán bộ nhà nước (hay công chức) để thực hiện các dịch vụ công theo quy định, nếu được đáp ứng thì có thể cấu thành những vi phạm hình sự theo luật Việt Nam cũng như theo luật pháp về phòng, chống tham nhũng có thể được áp dụng như Luật Chống Hối lộ của Anh hay Luật Phòng, chống Tham nhũng ở Nước ngoài của Mỹ. Những yêu cầu này có thể được đưa ra một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua bên thứ ba (như chuyên gia tư vấn).
37. Nghiên cứu nhận thấy những yêu cầu, gợi ý như trên của cán bộ nhà nước là hiện tượng phổ biến với 13 Doanh nghiệp tham gia (62%) cho biết đã gặp phải những yêu cầu tương tự trong vòng 12 tháng qua. Tất cả

những trường hợp này đều là các yêu cầu, gợi ý đưa tiền. Đa số các Doanh nghiệp tham gia cho biết đã lường trước việc cán bộ nhà nước đưa ra yêu cầu, gợi ý không chính thức về việc doanh nghiệp đưa tiền hay cho hưởng các dạng lợi ích khác. 10 Doanh nghiệp tham gia (48%) cũng cho biết từng được yêu cầu một cách không chính thức về việc sử dụng bên thứ ba ngoài khu vực nhà nước khi thanh toán chi phí dịch vụ công. Sử dụng bên trung gian không chính thức như vậy có thể là một cách để che dấu các khoản chi trả không chính đáng cho cán bộ nhà nước.

38. Phần lớn các Doanh nghiệp tham gia đều cho biết nếu không thực hiện các khoản chi trên thì sẽ dẫn đến chậm trễ, dù không đến mức từ chối cung cấp dịch vụ.
39. Trong số các cơ quan nhà nước, các cơ quan Hải quan được nhắc đến nhiều nhất là nơi đưa ra các yêu cầu, gợi ý như vậy (10 Doanh nghiệp tham gia (48%) cho biết từng được Hải quan yêu cầu như vậy).
40. Một số lượng đáng kể các Doanh nghiệp tham gia (7 doanh nghiệp, tức 33%) cũng cho biết họ đã từng từ chối sử dụng một dịch vụ công vì lo ngại sẽ gặp phải những yêu cầu như trên.
41. Ngoài ra, Doanh nghiệp cho biết cán bộ nhà nước còn có các yêu cầu khác, bao gồm:
 - 41.1 Yêu cầu tuyển dụng người nhà của cán bộ nhà nước – hành vi này có thể cấu thành một hình thức hối lộ nếu được chấp nhận để đổi lấy dịch vụ công;
 - 41.2 Yêu cầu ủng hộ hoạt động từ thiện có liên quan đến cơ quan nhà nước (11 Doanh nghiệp tham gia, tức 52%) – rủi ro ở đây là hoạt động từ thiện có thể là hoạt động phi pháp hoặc là trở thành cơ chế để nhận hối lộ.
42. Yêu cầu, gợi ý để được hưởng lợi từ cán bộ nhà nước là một vấn đề nhức nhối nhất (dù không phải duy nhất) đối với các Doanh nghiệp tham gia có quy mô nhỏ, trong khi một số đơn vị lớn cho biết có thể do có quy mô lớn và có danh tiếng nên họ không bị yêu cầu, gợi ý như vậy.

QUÀ BIỂU, CÁC HÌNH THỨC CHIÊU ĐÃI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG CHỨC, CÁN BỘ

43. Đòi hỏi đưa quà hay được chiêu đãi của cán bộ nhà nước có thể nói là một thực tế phổ biến đối với những doanh nghiệp hoạt động ở một số khu vực trong Đông Nam Á. Đây cũng là một lĩnh vực ẩn chứa rủi ro đáng kể đối với doanh nghiệp vì quà biếu hay các hình thức chiêu đãi, nhất là nếu được đưa tặng để đổi lấy một dịch vụ hay hình thức lợi ích

nào khác, có thể cấu thành hành vi đưa hối lộ theo luật Việt Nam hay luật nước ngoài liên quan.

44. Đa số các Doanh nghiệp tham gia cho biết cán bộ nhà nước thường muốn được tặng quà và/hoặc chiêu đãi, trong đó 17 Doanh nghiệp tham gia (81%) cho biết: chỉ ít là vào các dịp lễ chính thức, họ sẽ nhận được các yêu cầu, gợi ý như vậy. Nhiều Doanh nghiệp tham gia cho biết đây là một tập quán văn hóa của Việt Nam.
45. 6 Doanh nghiệp tham gia (29%) cho biết bị đòi hỏi, gợi ý tặng quà và/hoặc chiêu đãi khi ký hợp đồng với cơ quan nhà nước hay tổ chức do nhà nước kiểm soát, trong đó 3 Doanh nghiệp tham gia cho biết đã lường trước việc phải biếu quà và/hoặc chiêu đãi với giá trị hơn 10 triệu đồng (khoảng 440 USD).
46. Đa số các Doanh nghiệp tham gia (13 doanh nghiệp, hay 62%) cho biết các yêu cầu, gợi ý đưa quà và/hoặc chiêu đãi là một vấn đề đáng lo ngại, trong đó 3 doanh nghiệp cho biết đã bị từ chối cung cấp dịch vụ công vì không đáp ứng yêu cầu biếu quà và/hoặc chiêu đãi của cán bộ.
47. Doanh nghiệp tham gia cho biết tần suất gợi ý, yêu cầu đưa quà hay chiêu đãi của công chức mỗi nơi một khác. Tuy nhiên, 11 Doanh nghiệp tham gia (52%) nói đã từng bị yêu cầu, gợi ý ít nhất mỗi quý một lần.

E. KHUYẾN NGHỊ VÀ NHẬN XÉT VỀ MÔ HÌNH TỐI ƯU

48. Từ các kết quả Nghiên cứu, trong mục này, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị và nhận xét về mô hình tối ưu. Mục này bao gồm hai phần: Một là, các khuyến nghị và nhận xét về mô hình tối ưu liên quan đến các doanh nghiệp đầu tư và/hoặc kinh doanh tại Việt Nam; Hai là, khuyến nghị về chính sách công. Các điểm 103, 104 dưới đây sẽ tóm tắt chi tiết ý kiến liên quan của các Doanh nghiệp tham gia.

KHUYẾN NGHỊ VÀ NHẬN XÉT VỀ MÔ HÌNH TỐI ƯU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

49. Sự quan tâm, hỗ trợ của lãnh đạo và việc thực thi các quy định về đạo đức kinh doanh được cho là yếu tố quan trọng để thiết lập nền tảng đạo đức trong doanh nghiệp cũng như giảm thiểu rủi ro về các hành vi hối lộ. Sự quan tâm, hỗ trợ của lãnh đạo đóng vai trò kép. Một là, sự tham gia chặt chẽ của các cấp lãnh đạo sẽ mang lại hiệu quả răn đe đối với những đối tượng có khả năng vi phạm các chuẩn mực đạo đức. Hai là,

sự quan tâm, hỗ trợ của lãnh đạo đối với những người tố cáo các hành vi vi phạm không chính đáng được coi là sẽ khuyến khích nhân viên lên tiếng khi họ thấy lo ngại. Đồng thời, quy định chặt chẽ, công khai về giữ gìn kỷ luật, kỷ cương cũng được coi là yếu tố quan trọng để ngăn chặn vi phạm. Doanh nghiệp cho biết yếu tố này đặc biệt phù hợp với những doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, vì làm việc cho những doanh nghiệp này được xem là điều đáng tự hào, và nếu mất việc thì sẽ bị coi là đáng hổ thẹn.

50. Phổ biến, tập huấn đầy đủ cho nhân viên (bằng tiếng Việt) cũng được coi là yếu tố quan trọng để giảm thiểu rủi ro liên quan đến hành vi hối lộ. Một số Doanh nghiệp tham gia cho rằng nên tổ chức phổ biến, tập huấn tại chỗ, trực tiếp (đào tạo từ xa được coi là kém hiệu quả). Những người trả lời cũng cho biết việc đào tạo nên tập trung vào những lĩnh vực rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh (như bán hàng hay thu mua), và nội dung đào tạo nên chỉ ra những thông lệ chung ở Việt Nam, trong lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, vốn được coi là bình thường nhưng thực ra không phù hợp (chẳng hạn như việc ghi khống, ghi chênh lệch hóa đơn).
51. Thận trọng trong tuyển dụng cũng được coi là một biện pháp phòng ngừa quan trọng để chống tham nhũng. Một số Doanh nghiệp tham gia nhấn mạnh yêu cầu phải thực hiện rà soát tiêu chuẩn đạo đức của người sử dụng lao động trước đây của các ứng viên tuyển dụng. Những người làm việc cho các doanh nghiệp có tiếng xấu về đạo đức được coi là có nhiều rủi ro hơn, vì thế không nên tuyển dụng họ hoặc họ phải được đào tạo, thẩm tra đầy đủ trước khi tuyển vào.
52. Một số Doanh nghiệp tham gia cho biết trả lương cao là một yếu tố quan trọng vì như vậy sẽ loại bỏ được một động cơ khiến nhân viên đòi hỏi hay nhận hối lộ. Đồng thời, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, gắn gũi giữa lãnh đạo và nhân viên làm ở những vị trí có rủi ro cao cũng được coi là yếu tố quan trọng để giám sát hành vi cũng như mở ra một kênh liên lạc đáng tin cậy để qua đó thông tin, báo cáo về vi phạm.
53. Rà soát nhân viên của bên thứ ba hay các bên trung gian được một số Doanh nghiệp tham gia đề xuất thực hiện, vì các bên thứ ba có thể có hành vi đưa hối lộ mà doanh nghiệp không biết. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng thừa nhận rằng sẽ khó để thực hiện hiệu quả việc rà soát này.
54. Đa số các Doanh nghiệp tham gia cho rằng xây dựng văn hóa đạo đức trong doanh nghiệp là một biện pháp phòng ngừa tham nhũng quan trọng.
55. Một số Doanh nghiệp tham gia cho biết họ không thấy việc lập ra các

đường dây nóng để thông tin, tố cáo nặc danh đem lại hiệu quả ở Việt Nam. Những Doanh nghiệp tham gia này tỏ ra quan ngại về việc các đường dây nóng nặc danh bị nhân viên hay doanh nghiệp cạnh tranh lợi dụng (vì lợi ích cá nhân hay kinh doanh). Thay vì dựa vào các đường dây nóng như trên, các Doanh nghiệp tham gia này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc các cán bộ quản lý tại chỗ phải có mối quan hệ cá nhân gắn gũi với những nhân viên chủ chốt để có thể thông tin trực tiếp về vi phạm.

56. Khi gặp phải những yêu cầu, gợi ý đưa tiền hay cung cấp những mối lợi khác thiếu phù hợp từ công chức nhà nước, ý kiến của các Doanh nghiệp tham gia có sự khác biệt. Các doanh nghiệp lớn (đặc biệt trong ngành ngân hàng) cho rằng nếu có thể thì nên từ chối ngay những yêu cầu, gợi ý đó. Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ nên làm như vậy với điều kiện tầm ảnh hưởng và/hoặc vị thế của doanh nghiệp trên thị trường đủ lớn để tránh các hậu quả tiêu cực đối với doanh nghiệp sau khi từ chối các yêu cầu đó. Các Doanh nghiệp tham gia khác cho rằng nên xây dựng quan hệ với các công chức liên quan, như thông qua việc tổ chức các khóa tập huấn cho công chức, viên chức, hoặc thông qua các mối liên hệ cá nhân của các nhân viên. Tuy nhiên, trong tất cả những trường hợp này, giải pháp đưa ra chỉ phù hợp với tình hình của Doanh nghiệp tham gia. Trong trường hợp không thể thực hiện các giải pháp như trên, các Doanh nghiệp tham gia cho rằng doanh nghiệp nói chung phải chấp nhận sự chậm trễ trong cung cấp dịch vụ công nếu các yêu cầu, gợi ý chỉ tiền không được đáp ứng.

KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH CÔNG

57. Một số Doanh nghiệp tham gia nói đến tầm quan trọng của việc thực thi nghiêm túc, công khai pháp luật về phòng, chống hối lộ của cả các cơ quan nhà nước và cơ quan nước ngoài có liên quan (tức là những cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài theo các luật định có phạm vi áp dụng ở nước ngoài, như Luật Chống Hối lộ của Anh).
58. Trong số các đề xuất của Doanh nghiệp tham gia, việc thực thi luật một cách tích cực, công khai được cho là phù hợp nhất. Nếu gán chi phí kinh doanh với các hành vi hối lộ và hành vi tham nhũng khác thì sẽ ít doanh nghiệp muốn thực hiện những hành vi này hơn, và doanh nghiệp nào tránh tham gia vào những hành vi này, có quy định nội bộ phòng, chống tham nhũng hiệu quả sẽ có lợi thế thương mại. Điều này đặc biệt đúng khi xem xét đến những luật, phòng chống tham nhũng buộc doanh nghiệp chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của nhân viên của mình

và người liên quan (như Điều 7, Luật Chống Hối lộ của Anh). Khi luật được thực thi hiệu quả, những hành vi phi đạo đức của một số doanh nghiệp sẽ có hiệu ứng lan tỏa đến những cá nhân, doanh nghiệp làm ăn với họ. Nói cách khác, các doanh nghiệp có đạo đức sẽ từ chối làm ăn với với những cá nhân, doanh nghiệp có rủi ro cao vì lo ngại bị liên đới trong hành vi hối lộ (do biết về hành vi đó hay các hình thức khác). Vì lý do này, một số Doanh nghiệp tham gia thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Anh, Mỹ bày tỏ tầm quan trọng của việc rà soát, thẩm định đối với bên thứ ba.

59. Ngược lại, nếu khâu thực thi yếu thì việc từ chối tham gia vào hành vi hối lộ và/hoặc áp dụng triệt để các quy định phòng ngừa tham nhũng có thể dẫn đến việc doanh nghiệp chịu bất lợi về khả năng cạnh tranh so với những doanh nghiệp đối thủ tham gia vào hành vi đó. Như đã nêu trên, một Doanh nghiệp tham gia cho biết họ không mong sẽ ký được hợp đồng mới với cơ quan nhà nước vì đã từ chối đưa hối lộ hay chi phí bôi trơn.
60. Vì vậy, Nghiên cứu khuyến nghị nên đề xuất điều chỉnh Luật Phòng chống Tham nhũng 2005 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 2007 và 2012), theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng đối với hành vi đưa, nhận và môi giới hối lộ giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Ngoài ra cũng cần bổ sung điều khoản về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với hành vi hối lộ thực hiện bởi nhân viên của doanh nghiệp và các bên có liên quan tới doanh nghiệp (dựa trên Điều 7, Luật Phòng chống Hối lộ, Vương Quốc Anh).
61. Bên cạnh vấn đề thực thi, các Doanh nghiệp tham gia cũng đề nghị tăng cường biện pháp để đối phó với các yêu cầu, gợi ý đưa quà, chiêu đãi và/hoặc các dạng lợi ích khác của cán bộ, công chức.
62. Để thực hiện việc này có một số phương án.
63. Có thể giảm thiểu tình trạng đòi hỏi (gợi ý) quà cáp, tiền lót tay hay các dạng lợi ích khác bằng cách nâng lương cho cán bộ, công chức. Đồng thời cũng nên tăng hình phạt, tăng cường thực thi luật pháp về phòng, chống tham nhũng, đồng thời thiết lập một cơ quan điều tra độc lập của nhà nước để nhận thông tin, tố cáo nặc danh về các trường hợp hối lộ. Giải pháp này được ghi nhận là đã có hiệu quả ở những nước như Xinh-ga-po³.
64. Tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức cũng là giải pháp được một số Doanh nghiệp tham gia đề xuất.

³ Có một số tham chiếu về việc Xinh-ga-po áp dụng thành công biện pháp này, ví dụ: <http://www.fcablog.com/blog/2015/3/25/singapore-and-lee-kuan-yew-paying-for-honesty.html>

65. Ngoài ra còn có những biện pháp giảm thiểu tham nhũng khác như tăng cường tự động hóa thủ tục hành chính, như đăng ký cấp phép trực tuyến, nộp thuế, tiền phạt trực tuyến.

F. KẾT QUẢ CHI TIẾT

66. Sau đây chúng tôi xin trình bày chi tiết kết quả của Nghiên cứu. Các chỉ số tỉ lệ phần trăm nêu dưới đây là tỉ lệ Doanh nghiệp tham gia trả lời.
67. Phụ lục D sẽ trình bày chi tiết các kết quả định lượng của Nghiên cứu.

HOẠT ĐỘNG MUA SẮM, ĐẤU THẦU CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

68. Đại đa số các Doanh nghiệp tham gia cho biết từng nhận quà biếu (90% hay 19 Doanh nghiệp tham gia), trong đó 81% (17 doanh nghiệp) nhận quà vào các ngày không phải ngày lễ của Việt Nam.
69. Trong số những doanh nghiệp cho biết có nhận quà, chỉ có một Doanh nghiệp tham gia cho biết nhận quà với giá trị đáng kể (hơn 2 triệu đồng hay khoảng 88 USD theo tỉ giá tại thời điểm của báo cáo này).
70. 33% (7 doanh nghiệp) từng được yêu cầu xuất hóa đơn cho các hàng hóa, dịch vụ trong đó ghi giá trị thấp hoặc cao hơn giá thỏa thuận của hàng hóa, dịch vụ đó.

Các mâu thuẫn lợi ích tiềm ẩn trong hoạt động mua sắm, đấu thầu của tư nhân

71. 10% (2) Doanh nghiệp tham gia nói có biết một hay nhiều nhân viên của mình giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông của đơn vị cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp.
72. 24% (5) Doanh nghiệp tham gia nói có biết một hay nhiều nhân viên của mình có người nhà giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông của đơn vị cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp.
73. 5% (1) Doanh nghiệp tham gia nói có biết một hay nhiều nhân viên của mình đã trao hợp đồng cho bên thứ ba vì những người đó có lợi ích kinh tế riêng tại đơn vị đó (như là chủ sở hữu 100% vốn hay cổ đông lớn trong bên thứ ba đó).
74. 14% (3) Doanh nghiệp tham gia nói có biết một hay nhiều nhân viên, cán bộ của mình đã trao hợp đồng cho bên thứ ba vì đơn vị bên thứ ba đó tuyển dụng người nhà của nhân viên, cán bộ đó, hay người nhà có lợi

ích kinh tế đáng kể tại bên thứ ba (như là chủ sở hữu 100% vốn hay cổ đông lớn của bên thứ ba).

75. 86% (18) Doanh nghiệp tham gia cho biết đã có quy định bằng văn bản hay quy trình trong đó cán bộ của doanh nghiệp phải kê khai mọi quyền lợi ngoài doanh nghiệp và/hoặc lợi ích trong giao dịch với bên thứ ba.
76. 19% (4) Doanh nghiệp tham gia cho rằng mâu thuẫn lợi ích giữa các nhân viên, cán bộ làm phát sinh chi phí đáng kể khi làm ăn tại Việt Nam.
77. 29% (6) Doanh nghiệp tham gia nói doanh nghiệp của họ từng được nhân viên của khách hàng yêu cầu sử dụng đơn vị cung cấp do người đó chỉ định, trong khi họ tin rằng người đưa ra yêu cầu có quyền lợi kinh tế tại đơn vị cung cấp dịch vụ đó.

Thư mời thầu

78. 24% (5) Doanh nghiệp tham gia cho biết nhân viên của công ty từng được đề nghị nhận một khoản lợi (tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) để đổi lấy việc đưa tên nhà cung cấp vào danh sách thư mời thầu.
79. 14% (3) Doanh nghiệp tham gia cho biết nhân viên của công ty từng nhận một khoản lợi (tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) để đổi lấy việc đưa tên nhà cung cấp vào danh sách thư mời thầu.
80. 33% (7) Doanh nghiệp tham gia nói có biết một hay nhiều đợt đấu thầu trong đó mức chênh giữa giá chào thầu thấp nhất và cao nhất dưới 5%.

Kinh nghiệm của các Doanh nghiệp tham gia

81. Các doanh nghiệp được yêu cầu cho biết về kinh nghiệm của cá nhân, doanh nghiệp về việc đơn vị cung cấp dịch vụ gợi ý đưa tiền hay các lợi ích khác (như hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) trong các hoạt động mua sắm, đấu thầu tư nhân tại Việt Nam. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt các câu trả lời như sau:
 - 81.1 Phần lớn các Doanh nghiệp tham gia có nghe nói đến việc nhà cung cấp dịch vụ dùng tiền hay các lợi ích khác để được ký hợp đồng mua sắm, đấu thầu trong hoạt động của doanh nghiệp tư nhân. Các doanh nghiệp cho biết đây là một thực tế phổ biến trong các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam.
 - 81.2 Dạng lợi ích phổ biến nhất được mời chào với cán bộ mua sắm, đấu thầu là chi phần trăm trên giá trị hợp đồng (5% hoặc 10%). Chẳng hạn, nếu hợp đồng trị giá 1.000 USD thì cán bộ thu mua sẽ được hưởng 100 USD (10%) nếu ký hợp đồng.

81.3 Các Doanh nghiệp tham gia khác cho biết nhân viên của mình từng được bên cung cấp dịch vụ mời đi chơi, ăn uống hay sử dụng các hình thức chiêu đãi khác.

DỊCH VỤ CÔNG/THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH

82. 62% (13) Doanh nghiệp tham gia cho biết đơn vị mình từng bị yêu cầu chi tiền lót tay hay cung cấp các dạng lợi ích phi chính thức khác cho cán bộ, công chức trong vòng 12 tháng qua để được làm nhanh thủ tục.
83. Các doanh nghiệp cho biết tần suất của những yêu cầu, đòi hỏi này khá khác nhau, trong đó đa số những doanh nghiệp trả lời “có” cho biết là ít nhất mỗi tháng một lần (6 Doanh nghiệp tham gia, tức 29%).
84. Doanh nghiệp nhận thấy họ từng nhận các yêu cầu như trên, tuy không nhất thiết xảy ra trong vòng 12 tháng qua, từ các dịch vụ công sau:
- 84.1 29% (6) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm thủ tục xin giấy phép lao động.
- 84.2 48% (10) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm thủ tục hải quan.
- 84.3 14% (3) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm các thủ tục tại cơ quan công an.
- 84.4 10% (2) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm các thủ tục pháp lý.
- 84.5 5% (1) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm thủ tục về y tế.
- 84.6 33% (7) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm các thủ tục cấp phép doanh nghiệp.
- 84.7 38% (8) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi làm thủ tục tính toán/hoàn thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp và/hoặc thu nhập cá nhân).
- 84.8 14% (3) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi xin giấy chứng nhận sử dụng đất.
- 84.9 33% (7) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ nhận yêu cầu như trên khi xin các loại giấy phép xây dựng.
85. 33% (7) Doanh nghiệp tham gia nói đơn vị mình từng từ chối sử dụng một dịch vụ công vì lo ngại sẽ bị đòi đưa tiền hay các kiểu lợi ích phi chính thức (bao gồm tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh).
86. Các doanh nghiệp cho biết từng từ chối sử dụng các dịch vụ công sau:

- 86.1 Thủ tục với cơ quan công an (2 Doanh nghiệp tham gia);
 - 86.2 Thủ tục hải quan (3 Doanh nghiệp tham gia);
 - 86.3 Thủ tục tại cơ quan thuế (1 Doanh nghiệp tham gia);
 - 86.4 Thủ tục về sử dụng đất (1 Doanh nghiệp tham gia);
 - 86.5 Thủ tục cấp phép xây dựng (1 Doanh nghiệp tham gia);
 - 86.6 Thủ tục đăng ký kinh doanh (3 Doanh nghiệp tham gia).
87. Các doanh nghiệp ước tính mức chi phí mà cán bộ, công chức đòi hỏi (dưới dạng tiền mặt hay các dạng lợi ích khác) sẽ chiếm tỉ lệ như sau trong thu nhập hàng năm của một doanh nghiệp trong ngành nghề của họ:
- 87.1 5% (1) Doanh nghiệp tham gia trả lời 0%.
 - 87.2 29% (6) Doanh nghiệp tham gia trả lời là dưới 1%.
 - 87.3 10% (2) Doanh nghiệp tham gia trả lời là từ 1% đến dưới 2%.
 - 87.4 10% (2) Doanh nghiệp tham gia trả lời là từ 2% đến dưới 5%.
 - 87.5 10% (2) Doanh nghiệp tham gia trả lời là từ 5% đến dưới 10%.
88. 48% (10) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ từng nhận các yêu cầu không chính thức từ cán bộ, công chức về việc sử dụng bên thứ ba ngoài nhà nước do cán bộ, công chức đó chỉ định khi chi trả chi phí dịch vụ công cho cơ quan nhà nước.
89. 52% (11) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ từng nhận đề nghị từ cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước đang cung cấp / đã từng cung cấp hoặc có thể sẽ cung cấp một dịch vụ nào đó cho họ yêu cầu (doanh nghiệp) ủng hộ hoạt động từ thiện có liên quan đến cơ quan nhà nước.
90. 48% (10) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ từng nhận đề nghị từ cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước đang cung cấp / đã từng cung cấp hoặc có thể sẽ cung cấp một dịch vụ nào đó cho họ yêu cầu (doanh nghiệp) tuyển dụng người nhà của một cán bộ, công chức nhà nước.

Kinh nghiệm của các Doanh nghiệp tham gia

91. Các doanh nghiệp được yêu cầu cho biết một số kinh nghiệm của họ về những lần bị cán bộ, công chức đòi hỏi, gợi ý chi tiền và/hoặc cung cấp các dạng lợi ích khác (như hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) để đổi lấy việc được ưu tiên khi làm thủ tục. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt

các câu trả lời như sau:

91.1 Đa số các Doanh nghiệp tham gia cho biết có lưỡng lự trước việc bị cán bộ, công chức yêu cầu chi tiền hay cung cấp các dạng lợi ích khác, và cho rằng nếu không thỏa mãn những đòi hỏi đưa tiền hay cung cấp lợi ích đó thì sẽ dẫn đến việc bị chậm trễ trong khi làm thủ tục. Tuy nhiên, một số cũng cho rằng nếu doanh nghiệp không đáp ứng đòi hỏi thì cũng không đến mức bị từ chối dịch vụ. Một người trả lời tóm tắt vấn đề này như sau: những doanh nghiệp không chịu thỏa mãn đòi hỏi sẽ bị xếp lượt xuống cuối, còn những người chấp nhận đáp ứng được xếp lên trên.

91.2 Chẳng hạn, một Doanh nghiệp tham gia cho biết khi đi đăng ký giấy phép kinh doanh và không chịu đáp ứng đòi hỏi chi tiền thì có thể phải mất tới 6 tháng để hồ sơ được xử lý. Trong khi đó, nếu làm qua môi giới (người có thể đáp ứng những đòi hỏi nêu trên) thì chỉ mất 1 tuần.

91.3 Nhìn chung, các Doanh nghiệp tham gia có quy mô lớn thường ít gặp trường hợp cán bộ, công chức đòi hỏi đưa tiền hay các lợi ích khác so với các Doanh nghiệp tham gia có quy mô nhỏ, trung bình. Ví dụ, những doanh nghiệp lớn được phỏng vấn đều cho rằng do có tiếng tăm, quy mô lớn nên công chức không đòi họ chi tiền. Các doanh nghiệp lớn khác cho biết có thể xử lý được những trường hợp bị làm chậm trễ do không chịu chi tiền hay cung cấp các lợi ích khác theo yêu cầu của cán bộ, công chức.

91.4 Các Doanh nghiệp tham gia có quy mô nhỏ nhận thấy vấn đề liên quan đến việc cán bộ, công chức đòi đưa tiền hay các lợi ích khác khó đối phó hơn vì không có những ưu thế như các doanh nghiệp, tổ chức lớn, và/hoặc nếu bị chậm trễ do không chịu thỏa mãn các đòi hỏi nêu trên thì sẽ gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp, cũng như hạn chế khả năng mở rộng hoạt động của doanh nghiệp.

91.5 Một số Doanh nghiệp tham gia có quy mô nhỏ cho biết sẽ sử dụng các mối liên hệ cá nhân có được trong cơ quan nhà nước để nhờ giúp khi gặp phải đòi hỏi không chính đáng. Chẳng hạn, một Doanh nghiệp tham gia có nhân viên từng tham gia đào tạo cho cán bộ hải quan, nhờ đó mà có được những mối quan hệ cần thiết với cơ quan hải quan để nhờ vả khi gặp trường hợp cán bộ hải quan đưa ra yêu cầu không chính đáng. Một Doanh nghiệp tham gia khác đối phó được với các yêu cầu không chính đáng của cán bộ công an vì một số nhân viên của doanh nghiệp có người nhà làm chức vụ cao trong cơ quan công an địa phương.

- 91.6 Một Doanh nghiệp tham gia quy mô nhỏ cho biết sự chậm trễ khi làm thủ tục cấp phép gây thiệt hại cho doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp mất khoảng một nửa triệu USD do mất cơ hội làm ăn, cũng như khiến doanh nghiệp không thể mở rộng hoạt động.
- 91.7 Hai Doanh nghiệp tham gia cho biết việc cố giữ đạo đức trong kinh doanh sẽ trở thành một bất lợi trong cạnh tranh vì các doanh nghiệp đối thủ đến từ các nước khác như Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và ngay cả Việt Nam sẽ sẵn sàng đáp ứng các đòi hỏi chi lót tay. Một Doanh nghiệp tham gia cho biết họ không mong sẽ thắng thầu trong lần tới dù đó là một dự án lớn của nhà nước vì không thể đáp ứng đòi hỏi chi tiền hay cung cấp các dạng lợi ích khác của cán bộ. Tuy nhiên, một Doanh nghiệp tham gia khác lại cho biết, mặc dù ngăn chặn việc cung cấp các lợi ích cho cán bộ, công chức sẽ làm phát sinh chi phí trong ngắn hạn, nhưng về lâu dài, đây sẽ là một lợi thế kinh doanh vì nâng cao được uy tín, độ tin cậy của doanh nghiệp.
- 91.8 Một Doanh nghiệp tham gia kể lại sự việc trong đó cán bộ của Bộ Tài nguyên Môi trường tổ chức kiểm tra đột xuất nhà máy, yêu cầu doanh nghiệp trình một loạt hồ sơ, tài liệu và doanh nghiệp đã đáp ứng yêu cầu đó. Trong quá trình kiểm tra, một cán bộ trong đoàn đã đề nghị doanh nghiệp chi tiền để được kiểm tra nhanh gọn.

QUÀ BIẾU, CÁC HÌNH THỨC CHIÊU ĐÃI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG CHỨC, CÁN BỘ

92. Các Doanh nghiệp tham gia cho biết đơn vị mình có tính đến việc phải đưa quà và/hoặc chiêu đãi cán bộ, công chức trong những trường hợp sau:
- 92.1 Dịp lễ chính thức – 81% (17 Doanh nghiệp tham gia);
- 92.2 Khi ký hợp đồng với nhà nước hay đơn vị thuộc quản lý của nhà nước - 29% (6 Doanh nghiệp tham gia);
- 92.3 Những dịp khác mà theo các Doanh nghiệp tham gia, họ dự kiến sẽ phải đưa quà và/hoặc chiêu đãi cán bộ, công chức, đó là những ngày lễ kỷ niệm một số ngành nghề, như ngày Nhà giáo, ngày Báo chí, ngày thành lập lực lượng Công an.
93. 62% (13) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ có tính đến việc phải đài thọ chi phí để cán bộ nhà nước ra nước ngoài tham dự các sự kiện của công ty.
94. 24% (5) Doanh nghiệp tham gia cho biết họ có tính đến việc phải đài thọ chi phí vợ/chồng và/hoặc người thân của cán bộ nhà nước ra nước

ngoài tham dự các sự kiện của công ty.

95. Các doanh nghiệp cho biết họ có tính đến việc phải đưa quà biếu và/hoặc chiêu đãi cán bộ nhà nước nhân các dịp lễ tết được yêu cầu ước tính giá trị tối đa quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi dự tính sẽ chi cho mỗi dịp. Kết quả như sau:
 - 95.1 2 Doanh nghiệp tham gia trả lời từ 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng.
 - 95.2 7 Doanh nghiệp tham gia (33%) cho biết từ 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng.
 - 95.3 1 Doanh nghiệp tham gia cho biết từ 2 triệu đến dưới 5 triệu đồng.
 - 95.4 3 Doanh nghiệp tham gia cho biết trên 10 triệu đồng.
96. Những doanh nghiệp cho biết đơn vị mình có tính đến việc phải đưa quà biếu hoặc chiêu đãi cán bộ nhà nước khi ký kết hợp đồng với nhà nước hay đơn vị thuộc quản lý nhà nước được yêu cầu ước tính giá trị tối đa quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi dự tính sẽ chi cho mỗi lần ký hợp đồng như sau:
 - 96.1 1 Doanh nghiệp tham gia cho biết từ 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng.
 - 96.2 2 Doanh nghiệp tham gia trả lời từ 2 triệu đến dưới 5 triệu đồng.
 - 96.3 1 Doanh nghiệp tham gia cho biết từ 5 triệu đến dưới 10 triệu đồng.
 - 96.4 3 Doanh nghiệp tham gia cho biết là trên 10 triệu đồng.
97. Các doanh nghiệp cho biết tần suất nhận được các yêu cầu, gợi ý đưa quà hay chiêu đãi từ cán bộ nhà nước như sau:
 - 97.1 14% (3) Doanh nghiệp tham gia cho biết mỗi tuần một lần.
 - 97.2 10% (2) Doanh nghiệp tham gia cho biết mỗi tháng một lần.
 - 97.3 29% (6) Doanh nghiệp tham gia cho biết mỗi quý một lần.
 - 97.4 10% (2) Doanh nghiệp tham gia cho biết sáu tháng một lần.
 - 97.5 10% (2) Doanh nghiệp tham gia cho biết mỗi năm một lần.
98. Các doanh nghiệp dựa trên kinh nghiệm của mình cho biết các cơ quan nhà nước sau thường muốn những đơn vị như Doanh nghiệp tham gia tặng quà và/hoặc chiêu đãi, như sau:
 - 98.1 14% (3) Doanh nghiệp tham gia nói là Tòa án.
 - 98.2 29% (6) Doanh nghiệp tham gia nói là Công an.
 - 98.3 29% (6) Doanh nghiệp tham gia nói là Hải quan.

- 98.4 38% (8) Doanh nghiệp tham gia nói là cơ quan Thuế.
- 98.5 24% (5) Doanh nghiệp tham gia nói là cơ quan quản lý Đất đai.
- 98.6 38% (8) Doanh nghiệp tham gia nói là cơ quan quản lý Xây dựng.
- 98.7 38% (8) Doanh nghiệp tham gia nói là cơ quan quản lý Đăng ký kinh doanh.
- 98.8 Ngoài ra còn có các cơ quan khác như Cục Phòng cháy Chữa cháy, Bộ Tài chính, các doanh nghiệp nhà nước.
99. 62% (13) Doanh nghiệp tham gia cho biết việc cán bộ, công chức đòi hỏi, gợi ý quà biếu và/hoặc chiêu đãi là một vấn đề đáng quan ngại đối với đơn vị mình.
100. 14% (3) Doanh nghiệp tham gia cho biết đơn vị mình từng bị từ chối thực hiện dịch vụ công vì không thỏa mãn đòi hỏi đưa quà và/hoặc chiêu đãi của cán bộ nhà nước.

Kinh nghiệm của các Doanh nghiệp tham gia

101. Các doanh nghiệp được yêu cầu cho biết kinh nghiệm riêng về việc đòi hỏi quà cáp, chiêu đãi của cán bộ, công chức tại Việt Nam. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt các câu trả lời như sau:
- 101.1 Đa số các Doanh nghiệp tham gia cho biết cán bộ nhà nước thường muốn được tặng quà hoặc chiêu đãi dưới hình thức nào đó.
- 101.2 Các Doanh nghiệp tham gia cho biết việc đưa quà và/hoặc chiêu đãi cán bộ nhà nước là một phần trong văn hóa ở Việt Nam và là một yếu tố rất quan trọng để xây dựng quan hệ với cán bộ, công chức.
- 101.3 Phần lớn các Doanh nghiệp tham gia cho biết cán bộ nhà nước muốn được biếu quà vào dịp Tết.
- 101.4 Ngoài ra còn một số trường hợp khác như cán bộ nhà nước yêu cầu được đưa đến chiêu đãi tại một nhà hàng cụ thể, yêu cầu tuyển dụng hay cho người nhà của cán bộ, công chức vào thử việc.

CẢM NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP VỀ NHỮNG HÀNH VI RỦI RO CAO TRONG KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

102. Doanh nghiệp được yêu cầu:
- 102.1 Kể ra những hành vi rủi ro cao trong kinh doanh được coi là thách thức lớn nhất đối với đơn vị khi hoạt động tại Việt Nam.

Doanh nghiệp được cho biết 'hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh' là một hay nhiều hành vi có thể được hiểu là hối lộ hay một phần trong kế hoạch đưa hối lộ.

102.2 Trong số những hành vi mà doanh nghiệp đã chỉ ra, doanh nghiệp hãy cho biết ý kiến về những việc họ cần làm để ngăn chặn hoặc giảm thiểu rủi ro từ những hành vi đó.

103. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt các câu trả lời tại mục 102.1 như sau:

103.1 Gần như toàn bộ các Doanh nghiệp tham gia đều cho rằng văn hóa đưa, nhận quà cáp riêng hay các lợi ích khác (kể cả giữa tư nhân với tư nhân hay giữa tư nhân với nhà nước) là một vấn đề đáng quan ngại. Nhiều Doanh nghiệp tham gia coi đây là một phần hiện thực của đời sống kinh doanh và không tin rằng ai có thể làm gì để thay đổi điều đó. Ví dụ, một Doanh nghiệp tham gia thực hiện kiểm toán tại một khu công nghiệp cho biết các kiểm toán viên của mình thường xuyên được đưa phong bì tiền trong quá trình kiểm toán. Những người đưa phong bì tỏ ra ngạc nhiên khi nhân viên kiểm toán từ chối nhận. Có trường hợp, khi đoàn cán bộ kiểm toán đã lên xe taxi ra về thì nhân viên của doanh nghiệp được kiểm toán thậm chí còn ném phong bì bên trong có chứa tiền qua cửa xe vào trong để khỏi bị trả lại.

103.2 Một số Doanh nghiệp tham gia cho biết họ coi những khác biệt giữa văn hóa "Châu Á" và văn hóa "địa phương" trong làm ăn, kinh doanh, so với các tiêu chuẩn đề ra trong các quy định về đạo đức kinh doanh của mình khiến họ cảm thấy mâu thuẫn. Đây được coi là một sự bất lợi về cạnh tranh đối với những Doanh nghiệp tham gia vì đối tượng cho rằng những doanh nghiệp chịu hòa đồng với "văn hóa kinh doanh địa phương" nơi việc đưa, nhận các lợi ích cá nhân được cho là bình thường, có thể hoạt động hiệu quả, có lợi hơn.

103.3 Một số Doanh nghiệp tham gia nhận thấy có sự khác biệt giữa cách thức làm ăn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với nhau hay với các doanh nghiệp "Châu Á" khác và cách họ kinh doanh với "người nước ngoài". Cảm nhận chung giữa các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp "Châu Á" khác là ai cũng "hiểu" việc cho/nhận các lợi ích cá nhân là điều hiển nhiên. Trong khi đó với "người nước ngoài" thì thường có sự e dè khi hỏi hay nêu chủ đề này ra. Dù thế nào thì cảm nhận của một số Doanh nghiệp tham gia vẫn là những doanh nghiệp "nước ngoài" không cho/nhận

các quyền lợi riêng sẽ gặp bất lợi trong kinh doanh, vì khó xây dựng được mối quan hệ nào đó với các đối tác Việt Nam hay tạo ra được động lực cần thiết để giành được hợp đồng kinh doanh.

- 103.4 Gần như tất cả các Doanh nghiệp tham gia đều cho rằng việc tiếp cận một hay nhiều cơ quan nhà nước là một lĩnh vực có rủi ro vì việc đòi hỏi đưa tiền hay cung cấp các lợi ích cá nhân khác là điều phổ biến đối với cán bộ, công chức. Một số Doanh nghiệp tham gia có ý kiến rằng mức lương trong nhà nước thấp trong khi một số người phải bỏ tiền 'chạy chức' là một căn nguyên chính dẫn đến tình trạng đòi hỏi dẫu, và kết quả là việc đưa tiền lót tay cho cán bộ nhà nước được coi như một cách bình thường để bổ sung thu nhập và/hoặc bù đắp cho những chi phí phải bỏ ra khi 'chạy chức'.
- 103.5 Đề nghị đưa quà không chính đáng của các nhà cung cấp, khiến nhân viên bị cám dỗ nhận quà (dù vi phạm quy định của Doanh nghiệp tham gia), được xác định là một lĩnh vực có rủi ro. Lý do là vì doanh nghiệp khó có thể kiểm soát được hành vi của nhà cung cấp, nhất là trong một môi trường nơi việc đề nghị đưa quà riêng cho các nhân viên được coi là bình thường.
- 103.6 Các bên thứ ba cũng được coi là một nhóm rủi ro, nhất là những người như chuyên gia tư vấn, vì Doanh nghiệp tham gia không thể kiểm soát được hành vi của những người này. Một số Doanh nghiệp tham gia coi việc sử dụng chuyên gia tư vấn là cần thiết cho công việc, vì chuyên gia tư vấn có thể giải quyết được vấn đề trong khi Doanh nghiệp tham gia không cần phải biết về các hành vi không chính đáng.
104. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt các câu trả lời tại mục 103.2 như sau:
- 104.1 Có quy định, chế tài nghiêm ngặt: những nhân viên bị phát hiện tham gia các hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh, như đưa hay nhận các khoản lợi ích bất hợp pháp, phải bị cho thôi việc ngay, và phải công bố việc cho những người này thôi việc ra toàn công ty. Làm như vậy là để bảo đảm các nhân viên khác biết rằng những hành vi như vậy là không thể dung thứ. Đây được coi là một cách làm hiệu quả ở Việt Nam, vì có được chỗ làm trong công ty nước ngoài được coi là điều đáng tự hào, vì thế nếu mất việc thì sẽ bị coi là đáng hổ thẹn.
- 104.2 Đồng thời, thái độ của các cấp lãnh đạo cũng rất quan trọng. Nếu nhân viên thấy lãnh đạo tích cực ngăn ngừa, có biện pháp

xử lý các hành vi thiếu phù hợp trong hoạt động kinh doanh thì nhân viên sẽ noi theo gương lãnh đạo. Hơn nữa, nếu lãnh đạo công khai chống lại những hành vi đó thì nhân viên sẽ cảm thấy sẽ được lãnh đạo ủng hộ nếu từ chối nhận hay đưa các khoản lợi không phù hợp.

- 104.3 Phổ biến, đào tạo đầy đủ cho nhân viên cũng được xác định là một biện pháp phòng ngừa quan trọng, nhất là trong bối cảnh một số hành vi rủi ro cao trong kinh doanh (như đưa quà biếu, chi lót tay hay các khoản lợi khác) là điều được chấp nhận về mặt văn hóa theo quan điểm của một số Doanh nghiệp tham gia. Thêm vào đó, tuân thủ quy chế, đạo đức phải là một chỉ số chính trong kết quả công tác của nhân viên.
- 104.4 Thận trọng trong chính sách tuyển dụng cũng được một số Doanh nghiệp tham gia nói đến, bao gồm thận trọng khi tuyển dụng người đến từ những tổ chức không đề cao các tiêu chuẩn đạo đức. Một Doanh nghiệp tham gia cho biết về tầm quan trọng của việc lãnh đạo phải xây dựng được mối quan hệ gắn gũi với những nhân viên làm ở những vị trí có thể bị ảnh hưởng bởi những hành vi rủi ro cao trong kinh doanh (như nhân viên bán hàng).
- 104.5 Một số Doanh nghiệp tham gia cũng cho biết đã tìm cách phổ biến quy định về đạo đức trong kinh doanh cho các nhà cung cấp của mình.
- 104.6 Trả lương cao được coi là một công cụ quan trọng vì tạo được lòng trung thành ở nhân viên và giảm thiểu được sự cám dỗ của việc nhận tiền lót tay.
- 104.7 Rà soát kỹ càng bên thứ ba được một số Doanh nghiệp tham gia cho là cần thiết.
- 104.8 Các đường dây nóng nặc danh nhận khiếu nại, tố cáo được một số Doanh nghiệp tham gia cho là có vấn đề. Lý do là vì những đường dây nóng này có thể bị nhân viên hay thậm chí doanh nghiệp cạnh tranh lợi dụng khi giấu mặt đưa ra những cáo buộc nhằm trả thù cá nhân hay chiếm lợi thế trong kinh doanh. Mặt khác, mọi người cũng thường e dè trong việc nói lên ý kiến của mình, kể cả trong trường hợp nặc danh.

PHỤ LỤC A

Xúc tiến áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về liêm chính trong kinh doanh để tăng cường hội nhập quốc tế và cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam
Nghiên cứu về Rủi ro tham nhũng đối với nhà đầu tư ở Việt Nam
- Yêu cầu công tác áp dụng cho Nghiên cứu và Báo cáo nghiên cứu
DMS và CENSOGOR

1. Thông tin chung

Dù Chính phủ Việt Nam đã liên tục thực hiện nhiều biện pháp phòng chống tham nhũng trong nước nhưng Việt Nam vẫn bị coi là một nước có rủi ro cao theo cảm nhận của doanh nghiệp về rủi ro tham nhũng tại đây. Việt Nam đứng thứ 112 trên tổng số 168 quốc gia trong Chỉ số Cảm nhận về Tham nhũng năm 2015 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (trong đó 168 là thứ hạng thấp nhất).

Một yếu tố chính dẫn đến tình trạng tham nhũng cao trong hoạt động kinh doanh là sự tồn tại của những thông lệ trong làm ăn, kinh doanh tạo cơ hội cho tham nhũng phát sinh. Đó là những hành vi như đưa, nhận quà cáp hay tổ chức chiêu đãi quá chừng mực, trả hoa hồng cho người giới thiệu, ghi khống/ghi chênh hóa đơn để nâng giá hàng hóa, dịch vụ.

Điều quan trọng là phải nhận thức được sự phổ biến của những hành vi này và rủi ro đi kèm trên khía cạnh vi phạm luật pháp về phòng chống tham nhũng (đặc biệt là sau khi việc đưa hối lộ cá nhân đã bị coi là một tội hình sự ở Việt Nam) vì khi đó các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam có thể bảo đảm mình đã có các quy định nội bộ đầy đủ để tránh bị lôi kéo vào những hành vi đó. Chính phủ Việt Nam cũng cần đánh giá mức độ thành công của các biện pháp phòng chống tham nhũng đã và đang thực hiện dựa trên kinh nghiệm của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

Thông qua CENSOGOR và với sự phối hợp của Nhóm công tác Quản trị - Liêm chính của ĐDDNVN (NCT QT&LC), Tổ chức Hướng tới Minh bạch (HTMB) xác định thực hiện nghiên cứu này nhằm tổng hợp các kinh nghiệm của doanh nghiệp về những hành vi thiếu phù hợp trong hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (gọi tắt là “Nghiên cứu”). Trong Nghiên cứu sẽ đánh giá kinh nghiệm của doanh nghiệp về những hành vi rủi ro cao trong kinh doanh, có thể cấu thành nên các vi phạm về tham nhũng theo luật Việt Nam và luật pháp quốc tế liên quan.

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của Nghiên cứu là để tổng hợp kinh nghiệm của các doanh nghiệp nước ngoài, có vốn đầu tư nước ngoài về các hành vi rủi ro cao trong kinh doanh tại Việt Nam, nhằm định hướng cho các doanh nghiệp này về những trở ngại thường nhật mà họ phải đối mặt khi làm ăn ở Việt Nam, cũng như làm thế nào để giảm thiểu những rủi ro đó.

2.2. Các công việc cần làm

2.2.1. Các bước tiến hành Nghiên cứu Bên cung cấp dịch vụ cần thực hiện

Bên Cung cấp dịch vụ có nhiệm vụ:

- xác định, lựa chọn, bảo đảm doanh nghiệp được chọn tham gia vào Nghiên cứu (gọi tắt là các “Doanh nghiệp trong mẫu”);
- xây dựng phương pháp nghiên cứu sẽ sử dụng cho Nghiên cứu;
- bảo đảm để ít nhất một đại diện của Bên cung cấp dịch vụ có mặt tại mỗi buổi phỏng vấn;
- bảo đảm giữ bí mật thông tin về quy trình phỏng vấn và các kết quả Nghiên cứu;
- kiểm tra lại kết quả phỏng vấn;
- viết Báo cáo nghiên cứu.

2.2.2. Các công việc HTMB và NCT QT&LC cần thực hiện

HTMB và NCT QT&LC có nhiệm vụ:

- hỗ trợ Bên cung cấp dịch vụ chọn, bảo đảm doanh nghiệp được chọn tham gia phỏng vấn mẫu;
- liên hệ với những doanh nghiệp được chọn tham gia mẫu phỏng vấn; chuẩn bị hậu cần cho phỏng vấn;
- tham gia soạn thảo câu hỏi phỏng vấn;
- bảo đảm ít nhất một đại diện tham gia, hỗ trợ thực hiện phỏng vấn, nếu được;
- đọc, nhận xét dự thảo báo cáo Nghiên cứu.

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu áp dụng

- Xây dựng danh mục câu hỏi tiêu chuẩn. Cần sử dụng 2 loại câu hỏi sau:
 - Câu hỏi “Có/Không” (câu hỏi định lượng), và
 - Câu hỏi cho phép đối tượng trình bày về kinh nghiệm của mình đối với các hành vi rủi ro cao (câu hỏi định tính).
- Các câu hỏi cần tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể có rủi ro trong hoạt động kinh doanh, như: (i) hoạt động đấu thầu trong mua

sắm/đầu thầu của doanh nghiệp tư nhân; (ii) thủ tục hành chính của nhà nước (cấp thị thực lao động, cấp giấy phép kinh doanh, quyết toán thuế), (iii) kinh nghiệm về việc cán bộ, công chức đòi hỏi quà cáp và/hoặc chiêu đãi.

- Xác định, chọn ra một nhóm đối tượng mẫu gồm 20-30 doanh nghiệp để phỏng vấn.
- Bảo đảm HTMB và Bên cung cấp dịch vụ có ký Thỏa thuận Bảo mật Thông tin có đối tượng là các Doanh nghiệp được chọn vào mẫu nghiên cứu để bảo đảm giữ bí mật nội dung Nghiên cứu và Báo cáo.
- Bố trí để (các) đại diện thích hợp của từng Doanh nghiệp được chọn vào mẫu có mặt tham gia phỏng vấn. Người đại diện này phải đang ở tại Việt Nam, là trưởng bộ phận tuân thủ hay pháp chế hoặc là Giám đốc quốc gia hay người có chức vụ tương đương.
- Thực hiện phỏng vấn, ghi câu trả lời vào phiếu hỏi.
- Phiên giải dữ liệu từ các Câu hỏi định lượng và lập Báo cáo.
- Có thể thực hiện phân tích tư liệu thứ cấp để xác định các rủi ro tham nhũng trong kinh doanh đã được phát hiện, tổ giác công khai.

2.3. Kết quả, chỉ tiêu dự kiến

Để đạt được mục tiêu của Nghiên cứu và Báo cáo nghiên cứu, nhóm nghiên cứu cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Có báo cáo phân tích các câu trả lời phiếu hỏi thu thập được, (nếu có thể) thực hiện phân tích thống kê sơ bộ các Câu hỏi định lượng và tổng hợp các phần trả lời của các Câu hỏi định tính.

3. Hồ sơ chuyên gia

Mục đích của mục này là xác định các yêu cầu chuyên môn đối với từng chuyên gia hay nhóm chuyên gia được chọn thực hiện Nghiên cứu.

3.1 Hồ sơ chuyên gia – Chuyên môn: Luật sư có thâm niên

Ứng viên thỏa mãn các yêu cầu sau sẽ được ưu tiên:

- Là người hành nghề luật đủ điều kiện tại ít nhất một nước/vùng lãnh thổ;
- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực luật;
- Có kiến thức về luật phòng chống tham nhũng của Việt Nam và các luật phòng chống tham nhũng quốc tế liên quan;
- Có kinh nghiệm tư vấn về các vấn đề phòng chống tham nhũng cho các đối tượng nhà nước và/hoặc tư nhân tại ít nhất một nước/vùng lãnh thổ ASEAN.

3.2 Hồ sơ chuyên gia – Chuyên môn: Luật sư ít thâm niên

Ứng viên thỏa mãn các yêu cầu sau sẽ được ưu tiên:

- Là người hành nghề luật đủ điều kiện tại Việt Nam;
- Có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực luật;
- Có kiến thức về luật phòng chống tham nhũng của Việt Nam và các luật phòng chống tham nhũng quốc tế liên quan;
- Có khả năng làm việc theo nhóm;
- Có một số kỹ năng khác được đánh giá cao như soạn thảo, sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo, sử dụng vi tính;
- Thông thạo tiếng Anh viết và tiếng Việt.

Bên Cung cấp dịch vụ sẽ bố trí ít nhất 2 Luật sư có thâm niên và 2 Luật sư ít thâm niên thực hiện Nghiên cứu và soạn Báo cáo nghiên cứu.

4. Địa điểm, thời gian, tiến độ

4.1. Địa điểm, thời gian thực hiện Nghiên cứu

Tất cả các cuộc phỏng vấn sẽ thực hiện tại văn phòng của đối tượng phỏng vấn hay văn phòng của DMS Việt Nam tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian dự kiến thực hiện Nghiên cứu và soạn Báo cáo nghiên cứu là từ tháng 8 đến tháng 12/2016.

4.2. Lịch tiến độ dự kiến thực hiện Nghiên cứu và soạn Báo cáo

Lịch biểu dự kiến thực hiện Nghiên cứu và soạn Báo cáo như sau.

Hoạt động	Thời gian
Gửi thư mời đến các doanh nghiệp mời tham gia Nghiên cứu. Gửi 60 thư mời (dự tính tỉ lệ từ chối là 50%). Gửi thêm thư mời nếu không đạt đủ cỡ mẫu lý tưởng tối thiểu là 20 đối tượng tham gia.	Từ tháng 8 đến tháng 9, 2016
Chọn ra 30 Doanh nghiệp trong mẫu trong số những doanh nghiệp đồng ý tham gia Nghiên cứu.	Tháng 9/2012
Tổ chức phỏng vấn các Doanh nghiệp trong mẫu.	Tháng 8 – tháng 10, 2016
Phân tích phần trả lời phỏng vấn, soạn Báo cáo.	Tháng 10 – tháng 11, 2016

5. Báo cáo nghiên cứu

5.1. Nội dung

Báo cáo nghiên cứu sẽ có những nội dung sau:

- Xác định mục đích của Nghiên cứu.
- Xác định phương pháp áp dụng trong Nghiên cứu, bao gồm thông tin về các Doanh nghiệp trong mẫu, các câu hỏi sử dụng trong Nghiên cứu, phương thức thực hiện phỏng vấn, các quy định về bảo mật thông tin trong Nghiên cứu.
- Xác định kết quả trả lời các Câu hỏi định lượng và các phân tích thống kê cần thực hiện.
- Xác định kết quả trả lời các Câu hỏi định tính.
- Tóm tắt kết luận của Nghiên cứu.
- Các Khuyến nghị (nếu có) rút ra từ Nghiên cứu, đặc biệt là về các biện pháp giảm thiểu rủi ro có thể áp dụng.

5.2. Giữ bí mật thông tin; Bản quyền tài liệu

Mọi tài liệu soạn thảo ra trong quá trình thực hiện Nghiên cứu sẽ được coi là thông tin mật (kể cả thông tin chi tiết về các Doanh nghiệp trong mẫu và phần trả lời câu hỏi phỏng vấn) (gọi tắt là “Tài liệu mật”).

Báo cáo nghiên cứu và các tài liệu soạn thảo ra trong quá trình thực hiện Nghiên cứu là tài sản của DĐDNVN và Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Xã hội (CENSOGOR).

PHỤ LỤC B

Thông tin ấn danh về các Doanh nghiệp tham gia

Lượt phỏng vấn số	Lĩnh vực	3 dòng sản phẩm chính	Số lượng nhân viên	Năm cấp giấy phép đầu tư	Tổng số vốn được cấp phép (USD)	Tỉ lệ trên vốn đầu tư	Loại hình sở hữu	Là công ty con của tập đoàn D/G? C/K	Cơ sở hữu nhà nước của nước xuất xứ không? C/K	AI là khách hàng chính?	AI là người cung cấp dịch vụ?
1	Công nghiệp/ Chế tạo, chế biến	Nhập khẩu Phân phối Lắp ráp	500 đến 1.000	1996	102.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	C	Doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam Cơ quan nhà nước của Việt Nam Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn sở hữu nước ngoài Doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam Doanh nghiệp nhà nước của VN
2	Dịch vụ/ Thương mại	Kho vận	10 đến 49	2012	20.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước xuất xứ Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước
3	Công nghiệp/ Chế tạo, chế biến	Sản xuất máy biến thế Các sản phẩm hạ thế	500 đến 1.000	2008	28.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước xuất xứ Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
4	Dịch vụ/ Thương mại	Lắp ráp xe Bán phụ tùng xe Bán xe	300 đến 499	2010	10.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	C	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
5	Dịch vụ/ Thương mại	Hóa nghiệm Chứng nhận hệ thống Giám định thiết bị điện	50 đến 199	2001	2.900.000,00	50%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
6	Công nghiệp/ Chế tạo, chế biến	Nông nghiệp Thủ y Dược phẩm	500 đến 1.000	1994	30.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba

Lượt phỏng vấn số	Lĩnh vực	3 dòng sản phẩm chính	Số lượng nhân viên	Năm cấp giấy phép đầu tư	Tổng số vốn được cấp phép (USD)	Tỉ lệ trên vốn theo giấy phép đầu tư	Loại hình sở hữu	Là công ty con của tập đoàn DQGT C/K	Có sở hữu nhà nước của nước xuất xứ không? C/K	AI là khách hàng chính?	Địa chỉ văn phòng cấp
7	Công nghiệp/ Chế tạo, chế biến	Bán vật tư hóa chất Sản xuất băng dính Xốp cách nhiệt	10 đến 49	2002	320.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	C	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp trong nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
8	Tài chính/ Ngân hàng/ Bảo hiểm Dịch vụ/ Thương mại	Du lịch Văn tải Phần mềm	10 đến 49	2011	1.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn trong nước	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất
9	Tài chính/ Ngân hàng/ Bảo hiểm	Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng thương mại	1000 người trở lên	1995	350.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp trong nước Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
10	Dịch vụ/ Thương mại	Quản lý dự án Đào tạo, tập huấn	Dưới 5 người	2011	100.000,00	30%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	K	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước thứ ba
11	Dịch vụ/ Thương mại	Kiểm toán Thuế Tư vấn	200 đến 299	1993	900.000,00	100%	Liên doanh với doanh nghiệp tư nhân trong nước	K	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước xuất xứ	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
12	Công nghiệp khai khoáng	Thăm dò Khai thác Sản xuất dầu	50 đến 199	2000	N/A	N/A	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba

Lượt phỏng vấn số	Lĩnh vực	3 dòng sản phẩm chính	Số lượng nhân viên	Năm cấp giấy phép đầu tư	Tổng số vốn được cấp phép (USD)	Tỉ lệ trên vốn theo giấy phép đầu tư	Loại hình sở hữu	Là công ty con của tập đoàn DQG? C/K	Có trụ sở nhà nước của nước xuất xứ không? C/K	AI là khách hàng chính?	Doanh nghiệp trong nước	AI là người cung cấp bán thành phẩm, dịch vụ?
13	Bất động sản	Đầu tư bất động sản Tư vấn bất động sản Đầu tư chứng khoán niêm yết	50 đến 199	2002	100.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	K	K	Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp trong nước	AI là người cung cấp bán thành phẩm, dịch vụ?
14	Giáo dục	Giáo dục	10 đến 49	2008	N/A	-	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	K	K	Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
15	Giáo dục	Đào tạo tiếng Anh thu học phí Đào tạo doanh nghiệp	500 đến 1000	1997	Không muốn tiết lộ	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	K	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
16	Nông/Lâm/ Ngư nghiệp	Không cho biết	1000 người trở lên	2003	Không biết	100%	Liên doanh với doanh nghiệp trong nước	K	K	Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước thứ ba
17	Tài chính/ Ngân hàng/ Bảo hiểm	Thế chấp nhà ở Các sản phẩm tiền gửi Chuyển tiền	50 đến 199	2004	10.000.000,00	100%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp trong nước Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ	Doanh nghiệp trong nước Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ

Lượt phỏng vấn số	Lĩnh vực	3 dòng sản phẩm chính	Số lượng nhân viên	Năm cấp giấy phép đầu tư	Tổng số vốn được cấp phép (USD)	Tỉ lệ trên vốn đầu tư	Loại hình sở hữu	Là công ty con của tập đoàn DQ? /K	Cơ sở đầu nhà nước của nước xuất xứ không? /K	AI là khách hàng chính?	AI là người cung cấp bản thành phẩm, dịch vụ?
18	Tài chính/ Ngân hàng/ Bảo hiểm Dịch vụ/ Thương mại	Sản xuất xe Phân phối xe Cho thuê xe	500 đến 1000	1995	70.000.000,00	100%	Liên doanh với doanh nghiệp nhà nước của VN	C	K	Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp trong nước Tự sản xuất Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
19	Dịch vụ/ Thương mại	Kháng sinh Vắcxin	300 đến 499	1986	Không biết		Văn phòng đại diện	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Hộ/cá nhân kinh doanh Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
20	Dịch vụ/ Thương mại	Dịch vụ pháp lý	10 đến 49	2012	N/A		Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cơ quan nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước xuất xứ Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp nhà nước Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba
21	Công nghiệp/ Chế tạo, chế biến Xây dựng/ Đầu tư xây dựng hạ tầng Dịch vụ/ Thương mại Nông/Lâm/ Ngư nghiệp	Xây dựng Sắt thép Nông nghiệp Dịch vụ CNTT Lắp ráp ô tô Năng lượng	200 đến 299		5.000.000.000,00	0%	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	C	K	Doanh nghiệp nhà nước của VN Cá nhân, doanh nghiệp trong nước Khách hàng ở nước thứ ba	Doanh nghiệp trong nước Nhập khẩu từ nước xuất xứ Nhập khẩu từ nước thứ ba

PHỤ LỤC C

BỘ CÂU HỎI ĐIỀU TRA

Ngày:

Mã phiếu hỏi số:

Giới thiệu về Bộ câu hỏi điều tra

Phiếu hỏi này là một phần của nghiên cứu định lượng và định tính về kinh nghiệm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (tức các doanh nghiệp trừ doanh nghiệp trong nước) về những hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, về 3 lĩnh vực sau: (i) hoạt động đầu thầu trong mua sắm/đầu thầu của doanh nghiệp tư nhân; (ii) thủ tục hành chính của nhà nước (cấp thị thực lao động, cấp giấy phép kinh doanh, quyết toán thuế), (iii) kinh nghiệm về việc cán bộ, công chức đòi hỏi quà cáp và/hoặc chiêu đãi (gọi tắt là các “Lĩnh vực nghiên cứu”).

Các câu hỏi liên quan đến từng Lĩnh vực phân tích sẽ được lần lượt trình bày ở phần dưới. Trừ trường hợp câu hỏi có yêu cầu khác, đề nghị trả lời theo kinh nghiệm của quý vị có được trong thời gian 2 năm qua.

Không nêu tên trong phiếu hỏi

Đây là một bộ câu hỏi ẩn danh, có nghĩa là họ tên của quý vị và tên tổ chức của quý vị sẽ không được nêu trong phiếu hỏi. Tên của quý vị hay tên của tổ chức của quý vị cũng sẽ không được nêu trong báo cáo hay các tài liệu khác soạn thảo ra sau khi hoàn thành phiếu hỏi này, trừ thông tin về việc quý vị có tham gia nghiên cứu. Để tránh khúc mắc, các thông tin về danh tính của quý vị và tổ chức của quý vị sẽ không được sử dụng trong báo cáo. Trong trường hợp chúng tôi có thông tin về danh tính của quý vị hay tổ chức của quý vị (như địa chỉ, trao đổi email), những thông tin đó sẽ được giữ bí mật.

1. Doanh nghiệp của quý vị làm thủ tục xin giấy phép đầu tư tại Việt Nam vào năm nào?
2. Doanh nghiệp của quý vị nhận được giấy phép đầu tư vào năm nào?
3. Theo giấy chứng nhận đầu tư hiện nay của quý vị, tổng số vốn đăng ký quý vị được phép đầu tư vào Việt Nam là bao nhiêu? USD
4. Bao nhiêu phần trăm trên tổng vốn đầu tư đã đăng ký của quý vị đã thực hiện (giải ngân) kể từ khi thành lập?%

5. Doanh nghiệp của quý vị hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực nào?
 - 5.1 Công nghiệp/Chế tạo, chế biến
 - 5.2 Xây dựng/Đầu tư xây dựng hạ tầng
 - 5.3 Dịch vụ/Thương mại
 - 5.4 Nông nghiệp/Lâm nghiệp/Ngư nghiệp
 - 5.5 Khai thác khoáng sản
 - 5.6 Tài chính/Ngân hàng/Bảo hiểm

6. Nêu tên 3 dòng sản phẩm/dịch vụ chính của doanh nghiệp quý vị.
 - 6.1 _____
 - 6.2 _____
 - 6.3 _____

7. Loại hình nào sau đây phù hợp nhất với tình trạng pháp lý hiện nay của doanh nghiệp quý vị?
 - 7.1 Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
 - 7.2 Liên doanh với doanh nghiệp tư nhân trong nước
 - 7.3 Liên doanh với doanh nghiệp nhà nước
 - 7.4 Doanh nghiệp trong nước 100% vốn
 - 7.5 Doanh nghiệp khác, (nếu rõ)

8. Cơ sở của quý vị ở Việt Nam có phải là công ty con của tập đoàn đa quốc gia có trụ sở ở nước ngoài không?
 - 8.1 Có
 - 8.2 Không

9. Công ty mẹ đa quốc gia của doanh nghiệp quý vị có thuộc sở hữu một phần hay toàn bộ của nhà nước không?
 - 9.1 Có
 - 9.2 Không

10. Doanh nghiệp quý vị có bao nhiêu nhân viên?

	Tại thời điểm thành lập?	Năm 2015?	2016 tính đến thời điểm này?
1. Dưới 5 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. 5-9 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. 10-49 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. 50-199 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. 200-299 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. 300-499 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. 500-1000 người	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. 1000 người trở lên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

11. Khách hàng chính của doanh nghiệp là những ai? Đánh dấu tất cả những câu trả lời đúng
 - 11.1 Tiêu thụ trong nước đến khách hàng là doanh nghiệp nhà nước (DNNN)
 - 11.2 Tiêu thụ trong nước đến khách hàng là các cơ quan nhà nước (ở trung ương và/hoặc địa phương)
 - 11.3 Tiêu thụ trong nước đến khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp khác
 - 11.4 Xuất khẩu sang nước xuất xứ
 - 11.5 Xuất khẩu sang nước thứ ba
12. Ai cung cấp bán thành phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp quý vị? Đánh dấu tất cả những câu trả lời đúng
 - 12.1 Doanh nghiệp nhà nước
 - 12.2 Doanh nghiệp tư doanh trong nước
 - 12.3 Hộ/cá nhân kinh doanh
 - 12.4 Tự sản xuất tại chỗ
 - 12.5 Nhập khẩu từ nước xuất xứ
 - 12.6 Nhập khẩu từ nước thứ ba

HOẠT ĐỘNG MUA SẮM, ĐẤU THẦU CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Các câu hỏi sau liên quan đến kinh nghiệm của doanh nghiệp quý vị về hoạt động mua sắm, đấu thầu tư nhân của bên thứ ba. Có nghĩa là tổ chức của quý vị mua hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp bên thứ ba tại Việt Nam.

Câu hỏi chung

1. Các nhà cung cấp dịch vụ cho tổ chức của quý vị có đưa quà biếu hay chiêu đãi tổ chức của quý vị và/hoặc nhân viên của tổ chức không?

1.1 Có	1.2 Không	1.3 Không biết
--------	-----------	----------------
2. Các nhà cung cấp dịch vụ cho tổ chức của quý vị có đưa quà biếu hay chiêu đãi tổ chức của quý vị và/hoặc nhân viên của tổ chức tại thời điểm không phải các dịp lễ chính thức của Việt Nam không?

2.1 Có	2.2 Không	2.3 Không biết
--------	-----------	----------------
3. Các nhà cung cấp dịch vụ có đưa quà biếu hay chiêu đãi tổ chức của quý vị và/hoặc nhân viên của tổ chức (với trị giá hơn 2 triệu đồng) khi ký hay gia hạn hợp đồng với họ không?

3.1 Có	3.2 Không	3.3 Không biết
--------	-----------	----------------
4. Quý vị đã bao giờ được yêu cầu xuất hóa đơn cho các hàng hóa, dịch vụ trong đó ghi giá trị thấp hoặc cao hơn giá thỏa thuận của hàng hóa, dịch vụ đó (còn gọi là ghi khống/ghi chênh hóa đơn) chưa?

4.1 Có	4.2 Không	4.3 Không biết
--------	-----------	----------------

Mâu thuẫn lợi ích

5. Quý vị có biết nhân viên nào của mình có nắm giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông lớn của bên cung cấp dịch vụ nào cho tổ chức của quý vị không?

5.1 Có	5.2 Không	5.3 Không biết
--------	-----------	----------------
6. Quý vị có biết tổ chức mình có cán bộ lãnh đạo hay quản lý thu mua có người

doanh) trong hoạt động mua sắm, đầu tư nhân ở Việt Nam. Quý vị không cần bỏ hẹp phạm vi trong khuôn khổ tổ chức mình trong câu này. Đề nghị sử dụng phiếu trả lời kèm theo.

DỊCH VỤ CÔNG/THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH

Các câu hỏi liên quan đến kinh nghiệm của doanh nghiệp quý vị về các đòi hỏi lợi ích không chính thức (như đòi đưa tiền, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) của cán bộ, công chức để đổi lấy việc thực hiện các dịch vụ công theo quy định. Những khoản này thường được gọi là tiền bôi trơn hay “tiền bôi trơn”.

17. Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị yêu cầu chi tiền lót tay hay cung cấp các dạng lợi ích phi chính thức khác cho cán bộ, công chức để được làm nhanh thủ tục chưa?

17.1 Có

17.2 Không

17.3 Không biết

18. Nếu có thì quý vị ước tính bị yêu cầu, đòi hỏi như vậy bao lâu một lần?

18.1 Hàng ngày

18.2 Hàng tuần

18.3 Hàng tháng

18.4 Hàng quý

18.5 6 tháng một lần

18.6 Năm một lần

18.7 2 năm một lần

18.8 Nhiều hơn 2 năm một lần

19. Nếu có, đề nghị cho biết loại hình dịch vụ liên quan:

19.1 Xin giấy phép lao động

19.2 Làm thủ tục hải quan

19.3 Làm việc với cơ quan công an

19.4 Làm thủ tục pháp lý

19.5 Y tế

19.6 Xin cấp phép doanh nghiệp

19.7 Tính toán/quyết toán thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp và/hoặc thu nhập cá nhân)

19.8 Xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

19.9 Xin cấp giấy phép xây dựng

19.10 Thủ tục khác (đề nghị nêu rõ)

20. Tổ chức của quý vị đã bao giờ từ chối sử dụng dịch vụ công vì lo ngại sẽ bị đòi đưa tiền hay các kiểu lợi ích phi chính thức khác (như tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) chưa?

20.1 Có

20.2 Không

20.3 Không biết

21. Nếu có thì là những dịch vụ nào?

21.1 Tòa án

21.2 Công an

21.3 Hải quan

21.4 Thuế

21.5 Đất đai

21.6 Xây dựng

21.7 Đăng ký kinh doanh

21.8 Dịch vụ công khác của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước (đề nghị nêu rõ)

22. Theo quý vị, tỉ lệ thu nhập mà một đơn vị hoạt động trong ngành nghề của quý vị thường dự kiến hay buộc phải chi ra mỗi năm cho cán bộ, công chức nhà nước dưới dạng bồi dưỡng bằng tiền, các khoản tương đương với tiền, hàng hóa và/hoặc dịch vụ là bao nhiêu?
- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 22.1 0% | 22.2 Dưới 1% |
| 22.3 1% đến dưới 2% | 22.4 2% đến dưới 5% |
| 22.5 5% đến dưới 10% | 22.6 10% đến dưới 20% |
| 22.7 20% đến dưới 30% | 22.8 Trên 30% |
23. Tổ chức của quý vị đã bao giờ được cán bộ, công chức yêu cầu riêng phải sử dụng bên thứ ba trung gian ngoài nhà nước do họ chỉ định khi chi trả dịch vụ công cho cơ quan nhà nước không?
- | | | |
|---------|------------|-----------------|
| 23.1 Có | 23.2 Không | 23.3 Không biết |
|---------|------------|-----------------|
24. Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị cán bộ, công chức làm nhà nước nhưng cũng cung cấp/từng cung cấp hay có thể cung cấp một dịch vụ nào đó cho đơn vị yêu cầu ủng hộ hoạt động từ thiện có liên quan đến cơ quan nhà nước không?
- | | | |
|---------|------------|-----------------|
| 24.1 Có | 24.2 Không | 24.3 Không biết |
|---------|------------|-----------------|
25. Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị cán bộ, công chức làm nhà nước nhưng cũng cung cấp/từng cung cấp hay có thể cung cấp một dịch vụ nào đó cho đơn vị yêu cầu tuyển dụng người nhà của cán bộ, công chức đó không?
- | | | |
|---------|------------|-----------------|
| 25.1 Có | 25.2 Không | 25.3 Không biết |
|---------|------------|-----------------|
26. Đề nghị cho biết một số kinh nghiệm của quý vị về những lần bị cán bộ, công chức đòi hỏi, gợi ý chi tiền và/hoặc cung cấp các dạng lợi ích khác (như hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) để đổi lấy việc được ưu tiên khi làm thủ tục ở Việt Nam. Ví dụ, hậu quả của việc từ chối chi tiền bồi dưỡng cho cán bộ, công chức sẽ như thế nào? Quý vị ước tính số doanh thu/cơ hội làm ăn mà tổ chức của quý vị bị thiệt hại mỗi năm hay sẽ bị thiệt hại mỗi năm nếu từ chối chi tiền bồi dưỡng cho cán bộ, công chức là bao nhiêu? Quý vị không cần bó hẹp phạm vi trong khuôn khổ tổ chức mình trong câu này. Đề nghị sử dụng phiếu trả lời kèm theo.

QUÀ BIẾU, CÁC HÌNH THỨC CHIÊU ĐÃI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG CHỨC, CÁN BỘ

Các câu hỏi sau liên quan đến kinh nghiệm của quý vị về các đòi hỏi hay gợi ý đưa quà và/hoặc chiêu đãi của cán bộ nhà nước tại Việt Nam.

27. Đánh dấu Đúng / Sai cho các câu sau nếu ứng với tổ chức của quý vị theo kinh nghiệm của quý vị:
- 27.1 Chúng tôi biết sẽ phải biếu quà và/hoặc chiêu đãi cán bộ, công chức trong một số trường hợp (Nếu đúng, mời khoanh tròn một hay nhiều tình huống tương ứng dưới đây).
- | |
|---|
| 27.1.1 Đúng: vào dịp lễ chính thức |
| 27.1.2 Đúng: khi ký hợp đồng với nhà nước hay đơn vị thuộc quản lý của nhà nước |
| 27.1.3 Đúng trong các dịp khác (đề nghị nêu rõ) |

27.1.4 Sai

- 27.3 Chúng tôi biết sẽ phải đài thọ chi phí vợ/chồng và/hoặc người thân của cán bộ nhà nước ra nước ngoài tham dự các sự kiện của công ty.
- 27.3.1 Đúng 27.3.2 Sai
28. Nếu trả lời “Đúng” cho câu hỏi [27.1.1] thì mời xác định giá trị lớn nhất của quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi quý vị dự tính chi ra cho mỗi dịp lễ tết:
- 28.1 Dưới 1 triệu đồng
 28.2 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng
 28.3 2 triệu đến dưới 5 triệu đồng
 28.4 5 triệu đến dưới 10 triệu đồng
 28.5 Trên 10 triệu đồng
 28.6 Tôi xin không nêu
 28.7 Không có
29. Nếu trả lời “Đúng” cho câu hỏi [27.1.2] thì mời xác định giá trị lớn nhất của quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi quý vị dự tính chi ra cho mỗi lần ký hợp đồng:
- 29.1 Dưới 1 triệu đồng
 29.2 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng
 29.3 2 triệu đến dưới 5 triệu đồng
 29.4 5 triệu đến dưới 10 triệu đồng
 29.5 Trên 10 triệu đồng
 29.6 Tôi xin không nêu
 29.7 Không có
30. Nếu trả lời “Đúng” cho câu hỏi [27.1.3] thì mời xác định giá trị bình quân của quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi quý vị dự tính chi ra cho mỗi dịp mà quý vị đã xác định:
- 30.1 Dưới 1 triệu đồng
 30.2 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng
 30.3 2 triệu đến dưới 5 triệu đồng
 30.4 5 triệu đến dưới 10 triệu đồng
 30.5 Trên 10 triệu đồng
 30.6 Tôi xin không nêu
 30.7 Không có
31. Theo quý vị một tổ chức như tổ chức của quý vị sẽ phải chi biếu quà cáp hay chiêu đãi cho cán bộ nhà nước bao lâu một lần?
- 31.1 Hàng tuần 31.2 Hàng tháng
 31.3 Hàng quý 31.4 6 tháng một lần
 31.5 Năm một lần 31.6 2 năm một lần
 31.7 Nhiều hơn 2 năm một lần
32. Theo kinh nghiệm của quý vị, những tổ chức như của quý vị sẽ phải chi biếu quà và/hoặc chiêu đãi cho những cơ quan nhà nước nào sau đây (khoanh tròn một hay nhiều câu trả lời nếu đúng):
- 32.1 Tòa án 32.2 Công an 32.3 Hải quan
 32.4 Thuế 32.5 Đất đai 32.6 Xây dựng
 32.7 Đăng ký kinh doanh
 32.8 Doanh nghiệp, cơ quan nhà nước khác (đề nghị nêu rõ)
-
-

-
33. Các đòi hỏi, gợi ý đưa quà và/hoặc chiêu đãi cầu cán bộ nhà nước có phải là một vấn đề đang quan ngại đối với tổ chức quý vị không?
33.1 Có 33.2 Không 33.3 Không biết
34. Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị từ chối thực hiện dịch vụ công vì không thỏa mãn đòi hỏi đưa quà và/hoặc chiêu đãi của cán bộ nhà nước chưa?
4.1 Có 34.2 Không 34.3 Không biết
35. Đề nghị cho biết một số kinh nghiệm về các đòi hỏi đưa quà biếu, chiêu đãi của cán bộ nhà nước ở Việt Nam. Quý vị không cần bó hẹp phạm vi trong khuôn khổ tổ chức mình trong câu này. Đề nghị sử dụng phiếu trả lời kèm theo.

CẢM NHẬN CỦA QUÝ VỊ VỀ NHỮNG HÀNH VI RỦI RO CAO TRONG KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

36. Đề nghị quý vị kể ra những hành vi rủi ro cao nào trong hoạt động kinh doanh là trở ngại lớn nhất đối với tổ chức của quý vị khi hoạt động tại Việt Nam. 'Hành vi rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh' là hành vi hay các hành vi có thể được hiểu là hối lộ hay một phần trong kế hoạch đưa hối lộ. Đề nghị sử dụng phiếu trả lời kèm theo.

Trong số những hành vi trong hoạt động kinh doanh mà quý vị chỉ ra, đề nghị cho biết ý kiến về những việc đơn vị cần làm để ngăn chặn những hành vi đó, hoặc giảm thiểu rủi ro từ những hành vi trong hoạt động kinh doanh đó. Đề nghị sử dụng phiếu trả lời kèm theo.

BẢNG KIỂM PHÒNG CHỐNG HÀNH VI HỐI LỘ CỦA TI ABC:

Theo Nguyên tắc Phòng chống Hành vi Hối lộ trong Kinh doanh

Theo quy vị thì doanh nghiệp mình đang ở đâu trong công cuộc phòng chống hành vi hối lộ?

QUY ĐỊNH	Có	Không	Một phần	Có kế hoạch
1 Có quy định chính thức, công khai mới nhất về việc không dung thứ cho hành vi hối lộ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2 Có sự cam kết công khai về việc bảo đảm thống nhất với mọi luật định liên quan về phòng chống hành vi hối lộ ở tất cả các nước/vùng lãnh thổ doanh nghiệp của quý vị có hoạt động hay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3 Quý vị có cam kết thực hiện Chương trình phòng chống hành vi hối lộ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH	Có	Không	Một phần	Có kế hoạch	N/A
4 Quý vị có thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ để xác định các rủi ro về hành vi hối lộ và theo đó điều chỉnh Chương trình để giảm thiểu các rủi ro đó hay không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5 Chương trình của quý vị có quy định, chế tài, biện pháp kiểm soát cụ thể về:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6 Lãnh đạo của quý vị ⁵ có cam kết thực hiện Chương trình và làm gương về phẩm chất minh bạch, liêm chính không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7 Lãnh đạo của quý vị có giao trách nhiệm, quyền hạn cho các cán bộ quản lý một cách không rõ ràng khi thực hiện Chương trình không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8 Chương trình có được triển khai tại mọi tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp của quý vị nắm quyền kiểm soát không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

⁴ Tập hợp các biện pháp phòng chống hành vi hối lộ của doanh nghiệp bao gồm các nguyên tắc, quy tắc ứng xử, quy định, chế tài chi tiết, hệ thống quản trị rủi ro, thông tin, liên lạc nội bộ và với bên ngoài, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, các biện pháp kiểm soát nội bộ, giám sát, theo dõi, đánh giá.

⁵ Chủ sở hữu, Ban hay bộ phận tương đương, chủ tịch và/hoặc tổng giám đốc.

9	Quý vị có khuyến khích thực hiện một Chương trình tương tự ở các tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp của quý vị có đầu tư đáng kể hay có mối quan hệ kinh doanh đáng kể hay không? Chương trình có được phổ biến đến:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Bộ phận quản lý nhân sự của quý vị có khẳng định cam kết của doanh nghiệp với Chương trình không? tất cả nhân viên không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Có tổ chức đào tạo, tập huấn cho:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Doanh nghiệp của quý vị có cung cấp các kênh an toàn, tiện lợi để nhân viên và các đối tượng khác xin ý kiến tư vấn hay cho ý kiến ("khiếu nại, tố cáo") mà không sợ bị trả đũa không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14	Có biện pháp kiểm soát nội bộ nào để phòng chống hành vi hối lộ, bao gồm kiểm soát tài chính, tổ chức trong công tác kế toán, hạch toán và các quy trình doanh nghiệp có liên quan khác không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

GIÁM SÁT, KIỂM TRA		Có	Không	Một phần	Có kế hoạch
15	Có cơ chế kiểm soát nội bộ nào, nhất là kiểm soát công tác kế toán, hạch toán, được kiểm tra, kiểm toán định kỳ không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
16	Quý vị có chế tài xử lý hành vi hối lộ chưa?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
17	Ban lãnh đạo của quý vị có định kỳ rà soát mức độ phù hợp, hiệu quả của Chương trình để áp dụng các cải tiến không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
18	Ban kiểm toán hay bộ phận tương đương có thực hiện đánh giá độc lập định kỳ mức độ phù hợp của Chương trình không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
19	Doanh nghiệp của quý vị có công khai thông tin về chương trình và kết quả triển khai chương trình không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
20	Quý vị có thực hiện đánh giá độc lập Chương trình không? Ý kiến đánh giá có công bố không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Tham khảo Nguyên tắc Phòng chống Hành vi Hối lộ trong Kinh doanh tại www.transparency.org. Mọi chi tiết xin liên hệ: businessprinciples@transparency.org

5 Kế cả những người làm công tác tuyển dụng, đào tạo, đánh giá kết quả công tác, lương thưởng, khen thưởng.

PHỤ LỤC D

PHÂN TÍCH RỦI RO THAM NHỮNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

Bảng Kết quả định lượng

MUA SẮM, ĐẦU THẦU TƯ NHÂN

Câu hỏi chung

Câu hỏi:	1	Các nhà cung cấp dịch vụ cho tổ chức của quý vị có đưa quà biếu hay chiêu đãi tổ chức của quý vị và/hoặc nhân viên của tổ chức không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	1.1	1.2	1.3						
1		x								
2		x								
3		x								
4		x								
5		x								
6		x								
7		x								
8		x								
9		x								
10		x								
11		x								
12		x								
13			x							
14		x								
15		x								
16		x								
17		x								
18		x								
19			x							
20		x								
21		x								
Cộng		19	2	0						
Tỉ lệ %		90%	10%	0%						

Câu hỏi:	2	Các nhà cung cấp dịch vụ cho tổ chức của quý vị có đưa quà biếu hay chiêu đãi tổ chức của quý vị và/hoặc nhân viên của tổ chức tại thời điểm không phải các dịp lễ chính thức của Việt Nam không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	2.1	2.2	2.3						
1		x								
2		x								
3		x								
4		x								
5		x								
6			x							
7		x								
8		x								
9		x								
10		x								
11		x								
12		x								
13			x							
14		x								
15		x								
16		x								
17		x								
18		x								
19			x							
20			x							
21		x								
Cộng		17	4	0						
Tỉ lệ %		81%	19%	0%						

Câu hỏi:	3	Các nhà cung cấp dịch vụ có đưa quà biếu hay chiêu đãi tổ chức của quý vị và/hoặc nhân viên của tổ chức (với trị giá hơn 2 triệu đồng) khi ký hay gia hạn hợp đồng với họ không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	3.1	3.2	3.3						
1		x								
2			x							
3			x							
4			x							
5			x							
6			x							
7			x							
8			x							
9			x							
10			x							
11			x							
12			x							
13			x							
14				x						
15				x						
16			x							
17			x							
18			x							
19			x							
20			x							
21			x							
Cộng		1	18	2						
Tỉ lệ %		5%	86%	10%						

Câu hỏi:	4	Quý vị đã bao giờ được yêu cầu xuất hóa đơn cho các hàng hóa, dịch vụ trong đó ghi giá trị thấp hoặc cao hơn giá thỏa thuận của hàng hóa, dịch vụ đó (còn gọi là ghi khống/ghi chênh hóa đơn) không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	4.1	4.2	4.3						
1			x							
2			x							
3			x							
4			x							
5		x								
6			x							
7		x								
8			x							
9			x							
10		x								
11			x							
12			x							
13		x								
14				x						
15		x								
16			x							
17			x							
18			x							
19		x								
20			x							
21		x								
Cộng		7	13	1						
Tỉ lệ %		33%	62%	5%						

Mâu thuẫn lợi ích

Câu hỏi:	5	Quý vị có biết nhân viên nào của mình có nắm giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông lớn của bên cung cấp dịch vụ nào cho tổ chức của quý vị không?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	5.1	5.2	5.3					
1		x							
2			x						
3				x					
4			x						
5			x						
6			x						
7			x						
8			x						
9			x						
10			x						
11			x						
12		x							
13			x						
14			x						
15			x						
16			x						
17			x						
18			x						
19			x						
20			x						
21			x						
Cộng		2	18	1					
Tỉ lệ %		10%	86%	5%					

Câu hỏi:	6	Quý vị có biết tổ chức mình có cán bộ lãnh đạo hay quản lý thu mua có người nhà giữ vị trí giám đốc hay là cổ đông lớn của bên cung cấp dịch vụ nào cho tổ chức của quý vị không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	6.1	6.2	6.3						
1				x						
2			x							
3		x								
4			x							
5			x							
6		x								
7			x							
8			x							
9			x							
10			x							
11			x							
12		x								
13			x							
14			x							
15		x								
16				x						
17			x							
18			x							
19				x						
20			x							
21		x								
Cộng		5	13	3						
Tỉ lệ %		24%	62%	14%						

Câu hỏi:	7	Quý vị có biết nhân viên hay cán bộ nào trong tổ chức của quý vị đã trao hợp đồng cho bên thứ ba vì những người đó có lợi ích kinh tế riêng tại đơn vị đó (như là chủ sở hữu 100% vốn hay cổ đông lớn trong bên thứ ba đó) không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	7.1	7.2	7.3	Không trả lời					
1			x							
2			x							
3			x							
4			x							
5			x							
6			x							
7			x							
8					x					
9			x							
10			x							
11			x							
12			x							
13			x							
14			x							
15		x								
16			x							
17			x							
18			x							
19			x							
20			x							
21				x						
Cộng		1	18	1	1					
Tỉ lệ %		5%	86%	5%	5%					

Câu hỏi:	8	Quý vị có biết nhân viên, cán bộ nào trong tổ chức của mình trao hợp đồng cho bên thứ ba vì đơn vị bên thứ ba đó tuyển dụng người nhà của nhân viên, cán bộ đó, hay người nhà có lợi ích kinh tế đáng kể tại bên thứ ba (như là chủ sở hữu 100% vốn hay cổ đông lớn của bên thứ ba) không?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	8.1	8.2	8.3					
1			x						
2				x					
3			x						
4			x						
5			x						
6			x						
7			x						
8		x							
9			x						
10			x						
11			x						
12			x						
13			x						
14			x						
15		x							
16			x						
17			x						
18			x						
19			x						
20			x						
21		x							
Cộng		3	17	1					
Tỉ lệ %		14%	81%	5%					

Câu hỏi:	9	Tổ chức của quý vị có quy định/chế tài bằng văn bản theo đó các cán bộ, nhân viên quản lý phải kê khai các lợi ích cá nhân trong giao dịch với bên thứ ba không?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	9.1	9.2	9.3	Không trả lời				
1		x							
2			x						
3		x							
4		x							
5		x							
6		x							
7			x						
8		x							
9		x							
10		x							
11		x							
12		x							
13		x							
14		x							
15		x							
16					x				
17		x							
18		x							
19		x							
20		x							
21		x							
Cộng		18	2	0	1				
Tỉ lệ %		86%	10%	0%	4%				

Câu hỏi:	10	Tổ chức của quý vị có quy định hay chế tài bằng văn bản theo đó cán bộ phải kê khai mọi lợi ích ở ngoài đơn vị không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	10.1	10.2	10.3						
1		x								
2			x							
3		x								
4		x								
5		x								
6		x								
7		x								
8		x								
9		x								
10		x								
11		x								
12		x								
13			x							
14		x								
15		x								
16			x							
17		x								
18		x								
19		x								
20		x								
21		x								
Cộng		18	3	0						
Tỉ lệ %		86%	14%	0%						

Câu hỏi:	11	Quý vị có cho rằng mâu thuẫn lợi ích giữa các nhân viên, cán bộ làm phát sinh chi phí đáng kể khi làm ăn tại Việt Nam không? Ví dụ, quý vị có cho rằng tổ chức mình đang phải chi trả nhiều hơn cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ vì hợp đồng được ký khi có mâu thuẫn lợi ích không?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	11.1	11.2	11.3					
1			x						
2			x						
3		x							
4			x						
5			x						
6			x						
7			x						
8		x							
9			x						
10			x						
11			x						
12			x						
13			x						
14		x							
15		x							
16			x						
17			x						
18			x						
19			x						
20			x						
21			x						
Cộng		4	17	0					
Tỉ lệ %		19%	81%	0%					

Câu hỏi:	12	Quý vị đã bao giờ được nhân viên của khách hàng yêu cầu sử dụng đơn vị cung cấp do người đó chỉ định, trong khi quý vị cho rằng người đó có quyền lợi kinh tế tại đơn vị cung cấp dịch vụ đó không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	12.1	12.2	12.3						
1			x							
2			x							
3		x								
4			x							
5		x								
6			x							
7			x							
8			x							
9			x							
10			x							
11			x							
12		x								
13		x								
14		x								
15		x								
16			x							
17			x							
18			x							
19			x							
20				x						
21			x							
Cộng		6	14	1						
Tỉ lệ %		29%	67%	5%						

Thư mời thầu (TMT)

Câu hỏi:	13	Có nhân viên nào trong tổ chức của quý vị từng được mời nhận một khoản lợi (tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) để đổi lấy việc đưa tên nhà cung cấp vào danh sách TMT hay không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	13.1	13.2	13.3						
1		x								
2			x							
3		x								
4				x						
5			x							
6			x							
7		x								
8			x							
9			x							
10			x							
11			x							
12			x							
13			x							
14		x								
15				x						
16			x							
17			x							
18			x							
19				x						
20					-					
21		x								
Cộng		5	12	3						
Tỉ lệ %		24%	57%	14%						

Câu hỏi:	14	Có ai trong tổ chức của quý vị từng được mời nhận một khoản lợi (tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) để đổi lấy việc đưa tên nhà cung cấp vào danh sách TMT hay không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	14.1	14.2	14.3						
1			x							
2			x							
3		x								
4				x						
5					-					
6			x							
7			x							
8			x							
9			x							
10			x							
11			x							
12			x							
13			x							
14				x						
15		x								
16			x							
17			x							
18			x							
19			x							
20					-					
21		x								
Cộng		3	14	2						
Tỉ lệ %		14%	67%	10%						

Câu hỏi:	15	Quý vị có biết đợt đấu thầu nào trong đó mức chênh lệch giữa giá chào thấp nhất và giá chào cao nhất dưới 5% không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	15.1	15.2	15.3						
1				x						
2		x								
3			x							
4			x							
5			x							
6				x						
7			x							
8		x								
9				x						
10			x							
11		x								
12		x								
13			x							
14				x						
15		x								
16		x								
17				x						
18		x								
19			x							
20					-					
21				x						
Cộng		7	7	6						
Tỉ lệ %		33%	33%	29%						

XIN CẤP PHÉP THEO THỦ TỤC

Câu hỏi:	17	Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị yêu cầu chi tiền lót tay hay cung cấp các dạng lợi ích phi chính thức khác cho cán bộ, công chức để được làm nhanh thủ tục không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	17.1	17.2	17.3						
1			x							
2		x								
3		x								
4			x							
5		x								
6		x								
7		x								
8		x								
9		x								
10			x							
11		x								
12			x							
13			x							
14		x								
15		x								
16		x								
17		x								
18			x							
19			x							
20			x							
21		x								
Cộng		13	8	0						
Tỉ lệ %		62%	38%	0%						

Câu hỏi:	18	Nếu có thì quý vị ước tính tần suất bị yêu cầu, đòi hỏi như vậy như thế nào?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	18.1	18.2	18.3	18.4	18.5	18.6	18.7	18.8	Trả lời khác
1										-
2				x						
3					x					
4										-
5				x						
6										
7						x				
8		x								
9										
10										-
11								x		
12										-
13										90% thời gian
14				x						
15			x							
16				x						
17							x			
18										
19										
20										-
21					x					
Cộng		1	1	4	1	1	1	1	0	
Tỉ lệ %		5%	5%	19%	5%	5%	5%	5%	0%	

Câu hỏi:	19	Nếu có, đề nghị cho biết loại hình dịch vụ liên quan:										
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	19.1	19.2	19.3	19.4	19.5	19.6	19.7	19.8	19.9	19.10	Trả lời khác
1												-
2			x									
3			x				x				x	
4												-
5		x	x	x		x		x				
6			x					x		x		
7			x					x			x	
8		x	x						x	x	x	
9			x	x	x		x	x				
10												
11					x			x				
12												-
13							x	x	x	x		
14							x			x		
15		x					x	x		x	x	
16		x	x				x		x	x		
17		x	x	x								
18												
19												
20												-
21		x	x				x	x	x	x		
Cộng		6	10	3	2	1	7	8	3	7	4	
Tỉ lệ %		29%	48%	14%	10%	5%	33%	38%	14%	33%	19%	

Câu hỏi:	20	Tổ chức của quý vị đã bao giờ từ chối sử dụng dịch vụ công vì lo ngại sẽ bị đòi đưa tiền hay các kiểu lợi ích phi chính thức khác (như tiền, hàng hóa, dịch vụ hay ưu đãi kinh doanh) không?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	20.1	20.2	20.3	Không trả lời				
1					x				
2			x						
3		x							
4			x						
5		x							
6			x						
7			x						
8			x						
9			x						
10			x						
11			x						
12			x						
13		x							
14		x							
15		x							
16					x				
17		x							
18					x				
19			x						
20			x						
21		x							
Cộng		7	11	0	3				
Tỉ lệ %		33%	52%	0%	14%				

Câu hỏi:	21	Nếu có thì là những dịch vụ nào?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	21.1	21.2	21.3	21.4	21.5	21.6	21.7	21.8	Trả lời khác
1										
2										
3				x				x		
4										-
5				x	x					
6										-
7										
8										-
9										
10										-
11										
12										-
13						x	x			
14								x		
15			x							
16										
17			x	x						
18										
19										
20										-
21								x		
Cộng		0	2	3	1	1	1	3	1	
Tỉ lệ %		0%	10%	14%	5%	5%	5%	14%	5%	

Câu hỏi:	22	Theo quý vị, tỉ lệ thu nhập mà một đơn vị hoạt động trong ngành nghề của quý vị thường dự kiến hay buộc phải chi ra mỗi năm cho cán bộ, công chức nhà nước dưới dạng bồi dưỡng bằng tiền, các khoản tương đương với tiền, hàng hóa và/hoặc dịch vụ là bao nhiêu?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	22.1	22.2	22.3	22.4	22.5	22.6	22.7	22.8	Trả lời khác
1										
2					x					
3			x							
4										Không biết
5						x				
6			x							
7			x							
8						x				
9				x						
10										
11				x						
12										Không biết
13			x							
14										
15										
16					x					
17										Không biết
18										
19		x								
20			x							
21			x							
Cộng		1	6	2	2	2	0	0	0	
Tỉ lệ %		5%	29%	10%	10%	10%	0%	0%	0%	

Câu hỏi:	23	Tổ chức của quý vị đã bao giờ được cán bộ, công chức yêu cầu riêng phải sử dụng bên thứ ba trung gian ngoài nhà nước do họ chỉ định khi chi trả dịch vụ công cho cơ quan nhà nước không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	23.1	23.2	23.3	Không Trả lời					
1			x							
2					x					
3			x							
4			x							
5			x							
6		x								
7		x								
8		x								
9		x								
10			x							
11			x							
12			x							
13		x								
14		x								
15		x								
16			x							
17		x								
18			x							
19		x								
20			x							
21		x								
Cộng		10	10	0	1					
Tỉ lệ %		48%	48%	0%	5%					

Câu hỏi:	24	Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị cán bộ, công chức làm nhà nước nhưng cũng cung cấp/từng cung cấp hay có thể cung cấp một dịch vụ nào đó cho đơn vị yêu cầu ủng hộ hoạt động từ thiện có liên quan đến cơ quan nhà nước không?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	24.1	24.2	24.3					
1			x						
2			x						
3		x							
4			x						
5			x						
6			x						
7			x						
8		x							
9		x							
10			x						
11			x						
12		x							
13		x							
14		x							
15		x							
16			x						
17		x							
18		x							
19		x							
20			x						
21		x							
Cộng		11	10	0					
Tỉ lệ %		52%	48%	0%					

Câu hỏi:	25	Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị cán bộ, công chức làm nhà nước nhưng cũng cung cấp/từng cung cấp hay có thể cung cấp một dịch vụ nào đó cho đơn vị yêu cầu tuyển dụng người nhà của cán bộ, công chức đó không?								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	25.1	25.2	25.3						
1		x								
2			x							
3		x								
4			x							
5			x							
6			x							
7			x							
8		x								
9			x							
10			x							
11		x								
12		x								
13		x								
14		x								
15		x								
16			x							
17		x								
18			x							
19			x							
20			x							
21		x								
Cộng		10	11	0						
Tỉ lệ %		48%	52%	0%						

Câu hỏi:	27	Đánh dấu Đúng / Sai cho các câu sau nếu ứng với tổ chức của quý vị theo kinh nghiệm của quý vị:							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	27.1			27.2		27.3		
		27.1.1	27.1.2	27.1.3	27.2.1	27.2.2	27.3.1	27.3.2	
1		x			x			x	
2						x		x	
3		x			x			x	
4		x			x			x	
5		x			x		x		
6		x			x			x	
7		x	x			x		x	
8		x	x		x		x		
9		x			x			x	
10		x	x		x		x		
11		x	x						
12			x	*	x			x	
13				**	x			x	
14		x		***		x		x	
15		x		****		x		x	
16		x				x		x	
17		x				x		x	
18		x			x		x		
19		x			x		x		
20						x		x	
21		x	x	x*****	x			x	
Cộng		17	6	5	13	7	5	15	
Tỉ lệ %		81%	29%	24%	62%	33%	24%	71%	

* Tất cả những câu trên. Khánh thành mô, lễ động thổ, lễ cất nóc, không tách riêng

** Ngày Nhà giáo, ngày thành lập lực lượng Công an, ngày Nhà báo

*** Ngày Nhà giáo, ngày Nhà báo

**** Khi có tiền làm ăn cấp thấp (duy trì quan hệ làm ăn)

***** Hội nghị, không có quy định trả tiền mặt, tối đa 25 \$

Câu hỏi:	28	Nếu trả lời “Đúng” cho câu hỏi [27.1.1] thì mời xác định giá trị lớn nhất của quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi quý vị dự tính chi ra cho mỗi dịp lễ tết:							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	28.1	28.2	28.3	28.4	28.5	28.6	28.7	Trả lời khác
1		x							
2									-
3			x						
4									
5				x					
6									
7						x			
8						x			
9			x						
10			x						
11			x						
12								x	
13						x			
14			x						
15			x						
16								x	
17			x						
18								x	
19		x							
20									-
21									
Cộng		2	7	1	0	3	0	3	
Tỉ lệ %		10%	33%	5%	0%	14%	0%	14%	

Câu hỏi:	29	Nếu trả lời “Đúng” cho câu hỏi [27.1.2] thì mời xác định giá trị lớn nhất của quả biểu và/hoặc chi phí chiêu đãi quý vị dự tính chi ra cho mỗi lần ký hợp đồng:							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	29.1	29.2	29.3	29.4	29.5	29.6	29.7	Trả lời khác
1									-
2									-
3									
4									
5				x					
6									
7						x			
8						x			
9									
10			x						
11					x				
12						x			
13				x					
14								x	
15									
16								x	
17									-
18									
19									
20									-
21									
Cộng		0	1	2	1	3	0	2	
Tỉ lệ %		0%	5%	10%	5%	14%	0%	10%	

Câu hỏi:	30	Nếu trả lời “Đúng” cho câu hỏi [27.1.3] thì mời xác định giá trị bình quân của quà biếu và/hoặc chi phí chiêu đãi quý vị dự tính chi ra cho mỗi dịp mà quý vị đã xác định:							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	30.1	30.2	30.3	30.4	30.5	30.6	30.7	Trả lời khác
1									
2									
3			x						
4									
5				x					
6									
7									
8						x			
9									
10									
11									
12								x	
13									
14								x	
15									
16					x				
17									
18									
19									
20									-
21									
Cộng		0	1	1	1	1	0	2	
Tỉ lệ %		0%	5%	5%	5%	5%	0%	10%	

Câu hỏi:	31	Theo quý vị một tổ chức như tổ chức của quý vị sẽ phải chi biếu quà cáp hay chiêu đãi cho cán bộ nhà nước bao lâu một lần?							
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	31.1	31.2	31.3	31.4	31.5	31.6	31.7	Trả lời khác
1				x					
2									
3				x					
4			x						
5				x					
6		x							
7						x			
8				x					
9									
10					x				
11		x							
12					x				
13				x					
14				x					
15		x							
16			x						
17						x			
18									
19									
20									-
21									
Cộng		3	2	6	2	2	0	0	
Tỉ lệ %		14%	10%	29%	10%	10%	0%	0%	

Câu hỏi:	32	Theo kinh nghiệm của quý vị, những tổ chức như của quý vị sẽ phải chi biểu quà và/hoặc chiêu đãi cho những cơ quan nhà nước nào sau đây (khoanh tròn một hay nhiều câu trả lời nếu đúng):								
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	32.1	32.2	32.3	32.4	32.5	32.6	32.7	32.8	Trả lời khác
1										
2										
3			x	x	x			x	x	
4		x	x	x	x	x	x	x	x	
5				x	x					
6				x	x		x			
7		x	x							
8			x	x	x	x	x	x		
9										
10									x	
11		x	x	x	x		x			
12										
13						x	x			
14								x		
15			x		x		x	x	x	
16						x	x	x		
17					x			x		
18										
19										
20										-
21						x	x	x		
Cộng		3	6	6	8	5	8	8		
Tỉ lệ %		14%	29%	29%	38%	24%	38%	38%		

Câu hỏi:	33	Các đòi hỏi, gợi ý đưa quà và/hoặc chiêu đãi cầu cán bộ nhà nước có phải là một vấn đề đang quan ngại đối với tổ chức quý vị không?						
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	33.1	33.2	33.3				
1		x						
2			x					
3		x						
4			x					
5		x						
6		x						
7		x						
8		x						
9			x					
10			x					
11		x						
12			x					
13		x						
14		x						
15		x						
16			x					
17		x						
18			x					
19		x						
20		x						
21			x					
Cộng		13	8	0				
Tỉ lệ %		62%	38%	0%				

Câu hỏi:	34	Tổ chức của quý vị đã bao giờ bị từ chối thực hiện dịch vụ công vì không thỏa mãn đòi hỏi đưa quà và/hoặc chiêu đãi của cán bộ nhà nước không?						
Lượt phỏng vấn số	Trả lời	34.1	34.2	34.3				
1								
2			x					
3		x						
4			x					
5			x					
6			x					
7			x					
8				x				
9			x					
10				x				
11			x					
12			x					
13			x					
14			x					
15		x						
16			x					
17			x					
18			x					
19			x					
20				x				
21		x						
Cộng		3	14	3				
Tỉ lệ %		14%	67%	14%				



Báo cáo nghiên cứu

